

KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 1

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume I

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)

Light adaptation by: support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.



- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>
- [*italic*] in Vietnamese: differences among Vietnamese versions

PHẨM “TỰA” THỨ NHẤT

1. Tôi nghe như thế này:
Một thuở nọ đức Phật (2)
ở trong núi Kỳ-Xà Quật,
nơi thành Vương Xá cùng

PHẨM “TỰA” THỨ NHẤT

1. Thus I have heard, at one time
the Buddha dwelt on Mount
Grdhrakuta, near the City of the
House of the Kings, together with



chúng đại Tỳ-kheo một
vạn hai ngàn người câu
hội. Các vị đó đều là bậc
A-La-Hán, các lậu (3) đã
hết, không còn phiền não,
việc lợi mình đã xong (4)
dứt sự ràng buộc trong
các cõi (5) tâm được tự
tại.

Tên của các vị đó là:

a gathering of Great Bhikshus,
twelve thousand in all. All were
Arhats who had exhausted all
outflows and had no further
afflictions. Having attained self-
benefit, they had exhausted the
bonds of all existence and their
hearts had attained self-mastery.

Their names were:



A-Nhã Kiều-Trần-Như,
Ma-Ha Ca-Diếp,
Ưu-Lâu-Tần-Loa
Ca-Diếp,
Dà-Gia Ca-Diếp,
Na-Đề Ca-Diếp,
Xá-Lợi-Phất,
Đại Mục-Kiền-Liên,
Ma-Ha Ca-Chiên-Diên,
A-Nậu-Lâu-Đà,

Ajnatakaundinya,
Mahakashyapa,
Uruvilvakashyapa,

Gayakashyapa,
Nadikashyapa,
Shariputra,
Great Maudgalyayana,
Mahakatyayana,
Aniruddha,



Kiếp-Tân-Na,
Kiều-Phạm Ba-Đề,
Ly-Bà-Đa,
Tất-Lăng-Già-Bà-Ta,
Bạc-Câu-La,
Ma-Ha-Câu-Hy-La,
Nan-Đà,
Tôn-Đà-La Nan-Đà,
Phú-Lâu-Na Di-Đa-La-
Ni-Tử,

Kapphina,
Gavampati,
Revata,
Pilindavatsa,
Vakkula,
Mahakaushthila,
Nanda,
Sundarananda,
Purnamaitreyaniputra,



Tu-Bồ-Đề,
A-Nan,
La-Hầu-La v.v... đó là
những vị đại A-la-hán
hàng tri thức của chúng.

Lại có bậc hữu-học và vô-
học (6) hai ngàn người.

Subhuti,
Ananda,
and Rahula--and other Great
Arhats such as these, whom the
assembly knew and recognized.

Moreover, there were those with
further study and those beyond
study, two thousand in all.



Bà Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-Xà-Ba-Đề cùng với quyền thuộc sáu ngàn người câu-hội. Mẹ của La-Hầu-La là bà Tỳ-kheo-ni Gia-Du-Đà-La cùng với quyền thuộc câu-hội.

2. Bạc đại Bồ-Tát tám muôn người đều không

There was the Bhikshuni Mahaprajapati with her retinue of six thousand, and Rahula's mother, Bhikshuni Yashodhara, also with her retinue.

2. There were eighty thousand Bodhisattvas, Mahasattvas all



thối chuyển ở nơi đạo vô-
thượng chánh-đẳng
chánh-giác(7), đều chứng
được pháp Đà-la-ni (8)
nhạo-thuyết biện tài (9)
chuyên nói pháp luân bất
thối chuyển, từng cúng
dường vô lượng trăm
nghìn chư Phật, ở các nơi
đức Phật trồng các cội

irreversibly established in
anuttarasamyaksambodhi. All
had obtained dharani and the
eloquence of delight in speech
and turned the irreversible wheel
of the Dharma. They had made
offerings to limitless hundreds of
thousands of Buddhas and in the
presence of those Buddhas had
planted the roots of myriad



công-đức. Thường được
các Phật ngợi khen,
dùng đức từ để tu thân,
khéo chứng trí tuệ của
Phật thông đạt đại-trí đến
nơi bờ kia (10),

đanh đồn khắp vô lượng
thế-giới

virtues. They were constantly
receiving those Buddhas' praise.
They cultivated themselves in
compassion and were well able to
enter the wisdom of the Buddhas.
They had penetrated the great
wisdom and arrived at the other
shore. Their reputations extended
throughout limitless world
realms, and they were able to



có thể độ vô số trăm ngàn
chúng sanh.

Tên của các vị đó là: Văn-
Thù Sư-Lợi Bồ-Tát,
Quán-Thế-Âm Bồ-Tát,

Đắc-Đại-Thế Bồ-Tát,

cross over countless hundreds of
thousands of living beings.

Their names were: the
Bodhisattva Manjushri,
the Bodhisattva Who
Contemplates the World's
Sounds,
the Bodhisattva Who Has
Attained Great Might,



Thường-Tinh-Tấn Bồ-
Tát, Bất-Hưu Tức Bồ-Tát,
Bửu-Chương Bồ-Tát,
Dược-Vương Bồ-Tát,

Dũng-thí Bồ-Tát,

Bửu-Nguyệt Bồ-Tát,
Nguyệt-Quang Bồ-Tát,
Mãn-Nguyệt Bồ-Tát,

the Bodhisattva Constant Vigor,
the Bodhisattva Unresting,
the Bodhisattva Jeweled Palm,
the Bodhisattva Medicine King,
the Bodhisattva Courageous
Giving,
the Bodhisattva Jeweled Moon,
the Bodhisattva Moonlight,
the Bodhisattva Full Moon,



Đại-Lực BỒ-Tát,
Vô-Lượng-Lực BỒ-Tát,
Việt-Tam-Giới BỒ-Tát,
Bạt-Đà Bà-La BỒ-Tát,
Di-Lặc BỒ-Tát,
Bửu-Tích BỒ-Tát,
Đạo-Sư BỒ-Tát v.v...

the Bodhisattva Great Strength,
the Bodhisattva Unlimited
Strength,
the Bodhisattva Who Has
Transcended the Three Realms,
the Bodhisattva Bhadrapala, the
Bodhisattva Maitreya, the
Bodhisattva Jewel Accumulation,
the Bodhisattva Guiding Master--
and other Bodhisattvas,



các vị đại Bồ-Tát như thế tám vạn người câu hội.

3. Lúc bảy giờ, Thích-Đề Hoàn-Nhơn (11) cùng quyến thuộc hai vạn vị thiên-tử câu hội. Lại có Minh-Nguyệt thiên tử, Phổ-Hương thiên tử, Bửu-Quang thiên-tử, bốn vị đại

Mahasattvas such as these, eighty thousand in all.

3. At that time, Shakra Devanam Indrah was present with his retinue of twenty thousand gods. Among them were the God Moon, the God Universal Fragrance, the God Jeweled Light, and the Four Great



Thiên-Vương cùng với
quyển-thuộc một vạn
thiên-tử câu hội. Tự-Tại
thiên-tử, Đại-Tự-Tại
thiên-tử cùng với quyển
thuộc ba vạn thiên-tử câu
hội.

Chủ cõi Ta-Bà: Phạm-
Thiên-Vương, Thi-Khí-
Đại-Phạm, Quang-Minh

Heavenly Kings with their
retinues, ten thousand gods in all.
There was the God Comfort, and
the God Great Comfort, with
their retinues, thirty thousand
gods in all.

There was the God King Brahma,
ruler of the Saha world, as well as
the Great Brahma Shikhin and



Đại-Phạm v.v...cùng với
quyền thuộc một vạn hai
ngàn vị thiên-tử câu hội.

Có tám vị Long-vương:
Nan-Đà Long-vương,
Bạt-Nan-Đà Long-vương,
Sa-Dà-La Long-vương,
Hòa-Tu-Cát Long-vương,

the Great Brahma Brilliance, and
others, with their retinues, twelve
thousand gods in all.

There were eight Dragon Kings:
The Dragon King Nanda,
the Dragon King Upananda,
the Dragon King Sagara,
the Dragon King Vasuki,



Đức-Xoa-Ca Long-
vương,
A Na-Bà-Đạt-Đa Long-
vương,
Ma-Na-Tư Long-vương,
Ưu-Bát-La Long-vương
v.v... đều cùng bao nhiêu
trăm nghìn quyến thuộc
câu hội.

the Dragon King Takshaka,
the Dragon King Anavatapta,
the Dragon King Manasvin, and
the Dragon King Utpalaka, and
others, each with his retinue of
several hundreds of thousand
followers.



Có bốn vị Khẩn-Na-La
vương, Pháp-Khẩn-Na-La
vương, Diệu-Pháp Khẩn-
Na-La vương, Đại-Pháp
Khẩn-Na-La vương, Trì-
Pháp Khẩn-Na-La vương
đều cùng bao nhiêu trăm
ngàn quyến-thuộc câu
hội.

There were four kinnara kings:
the Kinnara King Dharma, the
Kinnara King Fine Dharma, the
Kinnara King Great Dharma, and
the Kinnara King Upholder of
Dharma, each with his retinue of
several hundreds of thousands of
followers.



Có bốn vị Càn-Thất-Bà
vương: Nhạc-Càn-Thất-
Bà vương, Nhạc-Âm-
Càn-Thất-Bà vương, Mỹ
Càn-Thất-Bà vương, Mỹ-
Âm Càn-Thất-Bà vương,
đều cùng bao nhiêu trăm
ngàn quyến-thuộc câu
hội.

There were four gandharva kings:
the Gandharva King Music, the
Gandharva King Musical Sound,
the Gandharva King Beautiful,
and the Gandharva King
Beautiful Sound, each with his
following of several hundreds of
thousands of followers.



Có bốn vị A-Tu-La
vương:
Bà-Trĩ A-Tu-La vương,
Dà-La-Khiên-Đà A-Tu-
La vương,
Tỳ-Ma-Chất-Đa-La A-
Tu-La vương,
La-Hầu A-Tu-La vương,
đều cùng bao nhiêu trăm
ngàn quyến-thuộc câu

There were four asura kings:

the Asura King Balin,
the Asura King Kharaskandha,

the Asura King Vemachitrin, and

the Asura King Rahu, each with
his retinue of several hundreds of
thousands of followers.



hội.

Có bốn vị Ca-Lâu-La
vương: Đại-Oai-Đức Ca-
Lâu-La vương, Đại-Thân
Ca-Lâu-La vương, Đại-
Mãn Ca-Lâu-La vương,
Như-Ý Ca-Lâu-La vương,
đều cùng bao nhiêu quyền
thuộc câu hội.

There were four garuda kings: the
Garuda King Great Majesty, the
Garuda King Great Body, the
Garuda King Great Fullness, and
the Garuda King As You Will,
each with his own retinue of
several hundreds of thousands of
followers.



Vua A-Xà-Thế, con bà Vi-Đề-Hi, cùng bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc câu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngồi một phía.

4. Lúc bảy giờ, đức Thế-Tôn, hàng tứ chúng vây

There was Vaidehi's son, the King Ajatashatru, with his retinue of several hundreds of thousands of followers. Each made obeisance to the Buddha's feet, withdrew to one side and sat down.

4. At that time, the World Honored One, having been circumambulated by the fourfold



quanh cúng-dường cung
kính ngợi khen tôn trọng,

vì các vị BỒ-Tát mà nói
kinh Đại-thừa tên:

“Vô-Lượng-Nghĩa”,

là pháp giáo hóa BỒ-Tát
được chư Phật hộ-niệm.

assembly, presented with
offerings, honored, venerated,
and praised, for the sake of the
Bodhisattvas, spoke a Great
Vehicle Sutra named The
Limitless Principles, a Dharma
for instructing Bodhisattvas of
which the Buddha is protective
and mindful.



Nói kinh này xong, đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định “Vô-Lượng Nghĩa-Xứ”, thân và tâm của Phật đều không lay động.

Khi đó trời mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-

After the Buddha had spoken this Sutra, he sat in full lotus and entered the samadhi of the station of limitless principles, body and mind unmoving.

At that time there fell from the heavens a rain of mandarava flowers, mahamandarava flowers,



la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa, đễ rải trên đức Phật cùng hàng đại chúng; khắp cõi Phật sáu điệu vang động (12).

Lúc bảy giờ, trong chúng hội, các hàng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận-sự-nam,

manjushaka flowers, and mahamanjushaka flowers, which were scattered upon the Buddha and the entire great assembly. All the Buddhas universes quaked in six ways.

At that time the entire great assembly of Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, Upasikas,



cận-sự-nữ, Trời, Rồng,
Đạ-Xoa, Càn-thát-bà (13),
A-tu-la (14), Ca-lâu-la
(15), Khẩn-na-la (16),
Ma-hầu-la-dà (17), nhọn,
phi-nhơn và các vị tiểu-
vương cùng Chuyển-luân-
thánh-vương, các đại
chúng ấy đều được thấy
việc chưa từng có, vui

gods, dragons, yakshas,
gandharvas, asuras, garudas,
kinnaras, mahoragas, beings
human and non-human, as well as
the minor kings, the wheel-
turning sage kings, all attained
what they had never had before.
They rejoiced and joined their
palms and, with one heart, gazed
upon the Buddha.



mừng chấp tay một lòng
nhìn Phật.

5. Bảy giờ, đức Phật từ
nơi tướng lông trắng giữa
chặ̣n mạ̀y phóng ra luồng
hào-quang chiếu khắp cả
một muôn tám nghìn cõi
ở phương Đông, dưới thời
chiếu đến địa ngục A-Tỳ,

5. Then the Buddha emitted from
between his brows a white hair-
mark light which illumined
eighteen thousand worlds to the
east, omitting none of them,
reaching below to the Avichi
hells and above to the Akanishtha



trên suốt thấu trời Sắc-cứu-cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng-sanh (18), ở các cõi kia.

Lại thấy các đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và nghe kinh pháp của các đức Phật ấy nói. Cùng

Heaven. From this world were seen all the living beings in the six destinies in those lands.

Further were seen all the present Buddhas in those lands and all the Sutras and Dharma spoken by the Buddhas was heard. Also



thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ, những người tu hành đắc đạo.

Lại thấy các vị đại Bồ-Tát dùng các món nhân duyên, các lòng tín giải, các loại tướng mạo mà tu

seen were the Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, Upasikas in those lands who cultivated and attained the Way.

Moreover were seen the Bodhisattvas Mahasattvas, the various causes and conditions, the various beliefs and



hành đạo Bồ-Tát. Lại thấy các đức Phật nhập Niết-bàn, lại thấy sau khi các đức Phật nhập Niết-bàn, đem xá-lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu.

6. Khi ấy, ngài Di-Lặc Bồ-Tát nghĩ rằng: “Hôm

understandings, and the various appearances of their practice of the Bodhisattva Way. Further were seen the parinirvana of the Buddhas and, after the parinirvana of the Buddhas, the building of stupas with the seven jewels to hold their sharira.

6. Then the Bodhisattva Maitreya had this thought: “Now, the



nay đức Thế-Tôn hiện
thần biến tướng, vì nhân
duyên gì mà có điềm lành
này. Nay đức Phật đang
nhập chánh định,

việc biến hiện hi hữu
không thể nghĩ bàn này
nên hỏi ai, ai đáp được?”

World Honored One manifests
signs of spiritual transformations.
What is the reason for these
portents? The Buddha, the World
Honored One, has now entered
Samadhi, yet these are
inconceivable and rare events.
Who should I ask concerning
them? Who could answer?”



Ngài lại nghĩ: “Ông Pháp-Vương-tử (19) Văn-Thù Sư-Lợi này đã từng gần gũi cúng dường vô lượng các đức Phật đời quá khứ chắc đã thấy tướng hi hữu này, ta nay nên hỏi ông”.

Lúc đó, hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận-sự-nam,

He further thought: “The Dharma Prince, Manjushri, has in the past drawn near and made offerings to limitless Buddhas. Surely he has seen such rare signs. I shall now ask him.”

Thereupon the Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas, and



cận-sự-nữ (20) và các trời, rồng, quỷ, thần v.v... đều nghĩ rằng: “Tướng thần thông sáng chói của đức Phật hiện đây, nay nên hỏi ai?”

7. Bảy giờ, ngài Di-Lặc Bồ-Tát muốn giải quyết chỗ nghi của mình, ngài

Upasikas, as well as the gods, dragons, ghosts, spirits, and others, all had this thought: “Who should now be asked concerning the Buddha’s bright light and signs of spiritual penetrations?”

7. At that time, the Bodhisattva Maitreya, wishing to resolve his own doubts, and further



lại xét tâm niệm của bốn-
chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-
ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ
và của cả chúng hội trời,
rồng, quỷ, thần v.v... mà
hỏi Văn-Thù Sư-Lợi rằng:

“Vì nhân duyên gì mà có
tướng lành thần thông
này, Phật phóng ánh sáng

regarding the thoughts of the
four-fold assembly of Bhikshus,
Bhikshunis, Upasakas, and
Upasikas, as well as the thoughts
of the assembled gods, dragons,
ghosts, and spirits and others,
questioned Manjushri as follows:

“What are the reasons for these
portents, these signs of spiritual
penetrations, for the emanation of



lớn soi khắp một muôn
tám nghìn cõi ở phương
Đông, đều thấy cõi nước
trang nghiêm của các đức
Phật?”

Khi đó, ngài Di-Lặc muốn
nói lại nghĩa trên, dùng kệ
hỏi rằng:

great light which illumines
eighteen thousand lands to the
east so that the adornments in all
those Buddha worlds are fully
seen?”

Thereupon, Maitreya
Bodhisattva, wishing to restate
his meaning, spoke verses asking:



8. Ngài Văn-Thù Sư-Lợi!
Đức Đạo-Sư có chi

Lông trắng giữa chặn mày

Phóng ánh sáng khắp soi?

Trời mưa hoa Mạn-đà
Cùng hoa Mạn-thù-Sa,

8. “Manjushri,
What is the reason for the guiding
master’s

emanation from the white hair
between his brows

Of a great light which shines
everywhere,

and for the rain of Mandaravas
and of Manjushaka flowers,



Gió thơm mùi chiên đàn
Vui đẹp lòng đại chúng

Vì nhân duyên như
vậy

Cõi đất đều nghiêm tịnh
Mà trong thế giới này
Sáu điệu vang động lên
Bảy giờ bốn bộ chúng
Thảy đều rất vui mừng

the breeze of fragrant Chandana
which delights the hearts of those
assembled?

Through these causes and
conditions,
the earth is all adorned and pure,
and within this world the earth
trembles in six different ways.
Then the four-fold multitude
rejoices altogether



Thân cùng ý thơ thới
Được việc chưa từng
có.

9. Ánh sáng giữa chặ
mày

Soi suốt thẳng phương
Đông

Một muôn tám nghìn cõi
Đều ánh như sắc vàng.

Từ địa ngục A-tỳ

in body and in mind enraptured,
they obtain what they had never
had.

9. The bright light from between
the brows

shines into the eastern quarter,

causing eighteen thousand lands
all to become of golden hue.

And from the Avichi hell,



Trên đến trời Hữu-Đảnh
Trong các thế giới
đó
Cả sáu đạo chúng sanh
Sống chết của kia đến
Nghệp duyên lành cùng
dữ
Thọ báo có tốt xấu

Tại đây đều thấy rõ.

upwards to the peak of being,
within each of the worlds are
seen
the beings within the six paths,
their destinies in birth and death,
their karmic conditions, good or
evil,
their retributions, favorable or ill-
-
all of this is seen, herein.



10. Lại thấy các đức Phật

Đấng Thánh-Chúa sư-tử
Diễn nói các kinh điển

Nhiệm màu bậc thứ nhất.
Tiếng của Ngài thanh-tịnh
Giọng nói ra êm dịu
Dạy bảo các Bồ-Tát

10. Further seen are all the
Buddhas,
the lions, the sagely masters,
expounding on the Sutra
scriptures,
of foremost subtlety and wonder.
Clear and pure is the sound
of their soft, compliant voices,
teaching all the Bodhisattvas,



Vô-số ức muôn người

Tiếng Phạm-âm thâm
diệu

Khiến người đều ưa nghe.

Các Phật ở cõi mình

Mà giảng nói chánh pháp

Dùng nhiều món nhân

duyên

Cùng vô lượng tỉ dụ

numbering in the countless
millions.

The Brahma sound, profound and
wondrous,

fills those who hear with joy

as, within his world, each one

proclaims the proper Dharma.

Through various causes and

conditions, and limitless

analogies,



Để soi rõ Phật Pháp
Mà khai ngộ chúng sanh.
Nếu có người bị khổ

Nhàm lìa già, bệnh, chết,
Phật vì nói Niết-bàn
Để dứt các ngăn khổ

Nếu là người có phước

they clarify the Buddhadharma
to enlighten living beings.

To those who've encountered
suffering,

weary of sickness, aging, death,
they speak about Nirvana,
which brings all suffering to an
end.

To those possessed of blessings



Đã từng cúng dường Phật

Chí cầu pháp thù thắng

Vì nói hạnh Duyên-giác

Nếu lại có Phật tử

Tu-tập các công hạnh

who've made offerings to past
Buddhas and

resolved to seek the superior
Dharma

they speak of enlightening to
conditions.

To those who are the Buddha's
sons,

who cultivate various practices,



Đề cầu huệ vô thượng
Phật vì nói tịnh đạo.

11. Ngài Văn-Thù Sư-
Lợi!

Tôi ở tại nơi đây
Thấy nghe dường ấy đó

Và nghìn ức việc khác

seeking wisdom unsurpassed,
they speak of the way of purity.

11. Manjushri,

while dwelling here,
I see and hear such things as
these,

reaching to a thousand million
things;



Thấy rất nhiều như thế
Nay sẽ lược nói ra:

12. Tôi thấy ở cõi kia
Có hằng sa BỒ-Tát
Dùng các món nhân
duyên
Mà cầu chứng Phật đạo.

such a multitude of them
which I shall now explain in
brief.

12. I see in other lands
Bodhisattvas like Gange's sands,
through various causes and
conditions
seeking the Buddha Way.



Hoặc có vị bồ-thí
Vàng, bạc, ngọc, san-hô,
Chơn châu, ngọc như-ý,
Ngọc xa-cừ mã-nã,
Kim-cương các trân-bửu
Cùng tôi tớ, xe cộ
Kiệu, cán chung châu báu
Vui vẻ đem bồ thí

Perhaps they practice giving,
with gifts of silver, gold, and
coral
of true pearls, and of mani,
mother-of-pearl, carnelian,
of vajra and of other gems,
of servants and of carriages,
jeweled hand drawn carts and
palanquins.
These they offer up with joy,



Hồi hương về Phật đạo
Nguyện được chứng thừa
ấy

Bậc nhất của ba cõi
Các Phật hằng khen ngợi.

Hoặc có vị Bồ-Tát
Xe tứ mã xe báu
Bao lơn che tàn đẹp
Trau tria dùng bổ thí.

in dedication to the Buddha Way,
vowing to obtain the vehicle

foremost in the triple realm,
the one which all the Buddhas
praise.

There are Bodhisattvas who
give a jeweled coach-and-four,
with rails and flowered canopies,
richly ornamented carriages.



Lại thấy có BỒ-Tát
Bồ thí cả vợ
con
Thân thịt cùng tay
chân
Đề cầu vô thượng đạo.

Lại thấy có BỒ-Tát
Đầu, mắt và thân
thể

Again are Bodhisattvas seen
*who even give their wives and
children,*
who give their flesh, hand, and
feet,
seeking for the utmost Way.

Again are Bodhisattvas seen
whose heads, eyes, and bodies
whole



Đều ưa vui thú cho
Đề cầu trí huệ Phật

13. Ngài Văn-Thù Sư
Lợi!

Ta thấy các Quốc-vương
Qua đến chỗ của Phật
Thưa hỏi đạo vô thượng
Bèn bỏ nước vui vẻ

are offered up most joyfully,
seeking the Buddha's wisdom.

13. Manjushri,

I see royal monarchs who
visiting those Buddhas' courts
ask about the utmost Way,
and then forsake their pleasant
lands,



Cung điện cả thần thiếp
Cạo sạch râu lẫn tóc

Mà mặc y pháp phục.

Hoặc lại thấy BỒ-Tát
Mà hiện làm Tỳ-kheo
Một mình ở vắng vẻ
Ưa vui tụng kinh điển

palaces, ministers, concubines,
and, cutting off their beards and
hair,
clothe themselves in Dharma
robes.

Seen are Bodhisattvas who
becoming Bhikshus, dwell alone
within the wilds, in quietude,
reciting Sutra texts with joy.



Cũng thấy có BỒ-Tát
Đông mãnh và tinh tấn
Vào ở nơi thâm sơn
Suy xét mỗi Phật đạo
Và thấy bậc ly dục

Thường ở chỗ không nhân
Sâu tu các thiền định

Again are Bodhisattvas seen,
striving with heroic vigor,
entering the mountains deep,
to ponder on the Buddha Way.
Seen, too, are those who've left
desire,
who dwell in constant solitude,
deeply cultivating Dhyana
Samadhi



Được năm món thần
thông
Và thấy vị BỒ-Tát
Chắp tay trụ thiền định

Dùng ngàn vạn bài kệ

Khen ngợi các Pháp-
vương
Lại thấy có BỒ-Tát

and attaining five spiritual
penetrations.
Again are Bodhisattvas seen
in the peace of Dhyana, with
palms joined,
who, with a thousand ten
thousand lines,
sing praises of the Dharma kings.

Again are Bodhisattvas seen,



Trí sâu chí bền chắc

Hay hỏi các đức Phật

Nghe rồi đều thọ trì.

Lại thấy hàng Phật tử

Định huệ trọn đầy đủ

of profound wisdom and solid
will,

able to question the Buddhas and
accept and hold all they have
heard.

Further seen are Buddha's
disciples,
with wisdom and samadhi
perfect,



Dùng vô lượng tỉ dụ
Vì chúng mà giảng pháp
Vui ưa nói các pháp
Dạy bảo các BỒ-Tát
Phá dẹp chúng binh ma
Mà đánh rền trống pháp
Cùng thấy vị BỒ-Tát
Vắng bật yên lặng ngồi
Trời, rồng đều cung-kính

who, with limitless analogies,
preach Dharma to the multitudes.
Joyfully they preach the Dharma,
transforming all the Bodhisattvas,
defeating thus the troops of Mara,
and beating on the Dharma drum.
Seen too are Bodhisattvas
in silence and tranquility;
though worshipped by the gods
and dragons,



Chẳng lấy đó làm mừng,
Và thấy có Bồ-Tát
Ở rừng phóng hào quang
Cứu khổ chốn địa ngục

Khiến đều vào Phật đạo.

Lại thấy hàng Phật tử

they do not find it cause for joy.
Also seen are Bodhisattvas
dwelling in forests, emitting light,
relieving those suffering in the
hells,
and leading them to the Buddha
Way.

Also seen are Buddha's disciples



Chưa từng có ngủ nghỉ

Kinh hành ở trong rừng

Siêng năng cầu Phật đạo

Cũng thấy đủ giới đức

Uy nghi không thiếu sót

Lòng sạch như bảo châu

who have not slept, but walk at
ease,

within the forest groves; they
seek

with diligence the Buddha Way.

Seen too are those with perfect
precepts

intact, with awe-inspiring
manner,

their purity like precious pearls,



Đề cầu chứng Phật đạo.

Và thấy hàng Phật tử

Trụ vào sức nhẫn nhục

Bị kẻ tăng-thượng-mạn

Mắng rủa cùng đánh đập

Thảy đều hay nhẫn được

with which they seek the Buddha Way.

Also seen are the Buddha's disciples

abiding in the strength of patience;

though by those of overweening pride

maliciously rebuked and beaten, they are able to endure it all,



Đề cầu chứng Phật đạo

Lại thấy có Bồ-Tát
Xa rời sự chơi cười
Và quyền thuộc ngu si
Ưa gần gũi người trí

Chuyên tâm trừ loạn động

seeking for the Buddha Way.

Again are Bodhisattvas seen,
apart from all frivolity,
and from stupid followers,
drawing near to those with
wisdom.

Singlemindedly casting out
confusion,



Nhiếp niệm ở núi rừng

Trải ức nghìn muôn năm

Để cầu được Phật đạo.

14. Lại thấy vị Bồ-Tát

collecting their thoughts in the
mountain forests,
for tens of thousands of millions
of years
in quest of the Way of the
Buddha.

14. Bodhisattvas there are seen,



Đồ ăn uống ngọt ngon
Cùng trăm món thuốc
thang
Đem cúng Phật và Tăng,

Áo tốt đồ thượng phục

Giá đáng đến nghìn muôn
Hoặc là vô giá y

who, with fine food and drink
and with a hundred kinds of
broths and herbs
make offerings to the Buddha and
the Sangha.
Who, with fine robes and
superior garments,
of value in the millions,
or with in valuable robes



Đem cúng Phật và Tăng

Dùng nghìn muôn ức thứ

Nhà báu bằng Chiên đàn

Các giường nằm tốt đẹp

Đề cúng Phật cùng Tăng

make offerings to the Buddha and
the Sangha.

Who, with a million different
kinds

of dwellings of precious
sandalwood

and with much fine bedding

make offerings to the Buddha and
the Sangha.



Rừng vườn rất thanh tịnh

Bông trái đều sum sê

Suối chảy cùng ao tắm

Cúng cho Phật và Tăng,

Cúng thí như thế đó

Các đồ cúng tốt đẹp

Who, with gardens and groves,
clear and pure,

with flowers and fruits in
abundance

with flowing springs and bathing
ponds,

make offerings to the Buddha and
the Sangha.

Offerings such as these,
of many kinds, extremely fine,



Vui vẻ không hề nhàm
Đề cầu đạo vô thượng.

15. Lại có vị Bồ-Tát
Giảng nói pháp tịch diệt
Dùng các lời dạy dỗ
Dạy vô số chúng sanh

Hoặc thấy vị Bồ-Tát
Quán sát các pháp tịnh

do they give with joy untiring,
seeking for the utmost Way.

15. There are Bodhisattvas who
speak of still extinction's Dharma
with various instructions teaching
living beings without number.

Seen are Bodhisattvas who
contemplate all Dharmas' nature



Đều không có hai tướng
Cũng như khoảng hư
không

Lại thấy hàng Phật tử
Tâm không chỗ mê
đắm

Dùng món diệu huệ này
Mà cầu đạo vô thượng.

as lacking the mark of duality,
like empty space.

Also seen are Buddha's disciples
whose minds have no
attachments and
who use this wondrous wisdom,
seeking for the utmost Way.



16. Ngài Văn-Thù Sư-
Lợi!

Lại có vị Bồ-Tát

Sau khi Phật diệt độ

Cúng dường Xá-Lợi-Phật.

Lại thấy hàng Phật tử

Xây dựng các tháp miếu

16. Manjushri,

Again are Bodhisattvas who,
after the Buddhas cross into
extinction,

make offerings to the Sharira.

Again are seen Buddha's
disciples,

building stupas, building temples,



Nhiều vô số hằng sa
Nghiêm sức khắp cõi
nước.

Bảo tháp rất cao đẹp
Đều năm nghìn do tuần.

Bề ngang rộng xúng nhau
Đều hai nghìn do tuần.
Trong mỗi mỗi tháp miếu

countless as the Ganges sands,
to adorn those realms and lands.

The Jeweled stupas, tall and fine,
are five thousand Yojanas in
height,

two thousand Yojanas in breadth.
Each stupa and temple is adorned



Đều có ngàn tràng phan
Màn châu xen thả xuống

Tiếng linh báu hòa reo
Các vị trời, rồng, thần,
Người cùng với phi nhơn
Hương, hoa, cùng kỹ nhạc

Thường đem đến cúng
dường

with a thousand curtains and
banners circling around and
wrought with gems, and jeweled
bells which harmoniously chime.
All the gods, dragons, and spirits,
humans and non-humans,
with incense, flowers, and
instrumental music,
constantly make offerings.



Ngài Văn-Thù Sư-Lợi!
Các hàng Phật tử kia
Vì cúng dường xá-lợi
Nên trang sức tháp miếu,
Cõi quốc giới tự nhiên

Thù đặc rất tốt đẹp
Như cây Thiên-thụ-vương
Hoa kia đang xòe nở

Manjushri,
All the Buddhas' disciples,
adorn the stupas and the shrines
making offerings to the Shariras;
spontaneously, the realms and
lands
are superbly fine and exquisite,
like the king of heavenly trees
when its flowers bloom.



17. Phật phóng một luồng
sáng

Ta cùng cả chúng hội
Thấy nơi cõi nước này
Các thứ rất tốt đẹp

Thần lực của chư Phật

Trí huệ đều hi hữu

17. The Buddha sends forth this
single ray,

and I and those assembled here
view within those realms and
lands, the various special
wonders.

The spiritual might of the
Buddhas

and their wisdom is most rare,



Phóng một luồng tịnh-
quang
Soi khắp vô lượng cõi
Chúng ta thấy việc này
Được điều chưa từng có.

18. Xin Phật tử Văn-Thù

Giải quyết lòng chúng
nghe

emitting a single, pure light,
they can illumine limitless lands.
Seeing this, we have all
obtained what we have never had.

18. Disciple of the Buddha,
Manju,
pray resolve the assembly's
doubts.



Bốn chúng đều mong
ngóng
Nhìn ngài và nhìn
ta
Đức Thế-Tôn có chi
Phóng ánh quang minh
này?
Phật tử phải thời
đáp

The Four-fold multitude with joy
looks up to you, humane one, and
to me.
Why has the World Honored One
emitted such a brilliant light?
Disciple of the Buddha, answer
now;



Quyết nghi cho chúng
mừng

Có những lợi ích gì
Đức Phật phóng quang
này?

Khi Phật ngồi đạo tràng
Chúng được pháp thâm
diệu

Vì muốn nói Pháp đó
Hay là sẽ thọ ký?

resolve our doubts, so we may
rejoice.

What benefit is to be gained
by putting forth this brilliant
light?

That wondrous Dharma the
Buddha gained
as he sat in the field of the Way
Does he wish, now, to preach it?
or is he going to give predictions?



Hiện bày các cõi Phật

Các báu sạch trang
nghiêm

Cùng thấy các đức Phật

Đây không phải có nhỏ

Ngài Văn-Thù nên biết

The manifesting of the Buddha-
lands,

adorned with many jewels, and
pure,

as well as the vision of the
Buddhas

does not betoken small
conditions.

Manju, it should be known,



Bốn chúng và Long, Thần

Nhìn xem xét ngài đó

Mong sẽ nói những gì?

19. Lúc bảy giờ, ngài
Văn-Thù Sư-Lợi nói với
ngài Di-Lặc Đại Bồ-Tát
cùng các vị Đại-sĩ: “Các

the four assemblies, dragons and
spirits,

look to you, humane one,
hopefully;

what is it that is to be said?

19. At that time, Manjushri
addressed the Bodhisattva
Mahasattva Maitreya and all the
great lords, saying, “Good men,



Thiện-nam-tử! Như chỗ
tôi xét nghĩ thì nay đức
Phật Thế-Tôn muốn
nói pháp lớn,
mưa pháp vũ lớn,
thổi pháp loa lớn,
đánh pháp cổ lớn
và diễn pháp nghĩa lớn.

in my estimation, the Buddha, the
World Honored One, now wishes
to speak the great Dharma,
to let fall the great Dharma rain,
to blow the great Dharma conch,
to beat the great Dharma drum,
and to proclaim the great Dharma
doctrine.”



Các thiện-nam-tử! Ta từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ thấy điềm lành này, Phật kia phóng hào quang đó rồi liền nói pháp lớn. Cho nên chắc biết rằng hôm nay đức Phật hiện hào quang cũng lại như vậy. Phật vì muốn cho chúng sanh đều được

“Good men, I have, in the past, in the presence of other Buddhas, seen such portents. Having emitted this light, they immediately spoke the great Dharma. Therefore, it should be known that the manifestation of light by the present Buddha is also thus. Because he wishes to lead all living beings to hear and



nghe biết pháp mầu mà tất cả trong đời khó tin theo, cho nên hiện điềm lành này.

20. Các thiện-nam-tử!
Như vô lượng vô biên a-tăng-kỳ (21) kiếp về trước. Bây giờ có đức

understand this Dharma which in the whole world is hard to believe, he therefore manifests these portents.”

20. “Good men, it is just as in the past, limitless, boundless, inconceivable Asankhyeya aeons ago, there was at that time a



Phật hiệu Nhật-Nguyệt
Đăng-Minh
Như-Lai,
Ứng-cúng,
Chánh-biến-tri,

Minh-hạnh-túc,
Thiện-thệ,
Thế-gian-giải,
Vô-thượng-sĩ,

Buddha named Brightness of
Sun-Moon-Lamp
Thus Come One,
One Worthy of Offerings,
One of Proper and Universal
knowledge,
One of Perfect Clarity and
Conduct, Well-Gone One, an
Unsurpassed Knight who
Understands the World, a Hero



Điều-ngự Trọng-phu,
Thiên-Nhân-Sư, Phật
Thế-Tôn, diễn nói chánh
pháp. Ban đầu, giữa, rốt
sau ba chặng đều lành,

nghĩa lý rất sâu xa, lời lẽ
khéo mầu, thuần một
không tạp, đầy đủ cả

Who Subdues and Tames, a
Teacher of Gods and People, the
Buddha, the World Honored One
who expounded the proper
Dharma, good at its beginning,
good in its middle, and good at its
end, its meaning profound and
far-reaching, its words clever and
subtle, pure and unadulterated,



tướng phạm hạnh thanh
bạch.

Phật, vì người cầu đạo
Thanh-văn, nói pháp Tứ-
đế (22) thoát khỏi sanh,
già, bệnh, chết, cứu cánh
Niết-bàn.

Vì hạng cầu quả Duyên-
giác, nói pháp Mười-hai-

complete with the marks of pure,
white Brahman conduct.”

“To those who sought to be
Hearers, he responded with the
Dharma of the Four Truths, by
which one crosses over birth,
aging, sickness, and death to the
ultimate Nirvana; to those who
sought to be Pratyeka Buddhas,
he responded with the Dharma of



nhân-duyên (23), vì hàng Bồ-Tát nói sáu pháp Ba-la-mật (24) làm cho chúng được quả vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác thành bậc nhứt-thiết chủng-trí. (25)

Kể lại có đức Phật cũng hiệu Nhật-Nguyệt Đẳng-

the Twelve Conditioned Causes; for the sake of the Bodhisattvas, he responded with the Six Paramitas, causing them to attain Anuttarasamyaksambodhi and realize the wisdom of all modes.”

“Then, there was another Buddha, also named Brightness



Minh, lại có đức Phật cũng hiệu Nhật-Nguyệt Đăng-Minh. Như thế đến hai muôn đức Phật đều đồng một tên, hiệu Nhật-Nguyệt Đăng-Minh, lại cùng đồng một họ, họ Phả-La-Đọa.

of Sun-Moon-Lamp, and then another Buddha, also named Brightness of Sun-Moon-Lamp, and so forth for twenty-thousand Buddhas all of the same name, Brightness of Sun-Moon-Lamp, and also of the same surname, Bharadvaja.”



Di-Lặc nên biết! Đức Phật trước, đức Phật sau đều đồng một tên, hiệu Nhật-Nguyệt Đăng-Minh, đây đủ mười hiệu, những pháp được nói ra, đầu, giữa, sau đều lành.

“Maitreya, it should be known that all of those Buddhas, from the first to the last, had the same name, Brightness of Sun-Moon-Lamp, and were complete with the ten titles, and that the Dharma they spoke was good at its beginning, middle, and end.”



Đức Phật rốt sau cả, lúc chưa xuất-gia có tám vị vương-tử: Người thứ nhất tên Hữu-Ý, thứ hai tên Thiện-Ý, thứ ba tên Vô-Lượng-Ý, thứ tư tên Bửu-Ý, thứ năm tên Tăng-Ý, thứ sáu tên Trừ Nghi-Ý, thứ bảy tên Hưởng-Ý, thứ tám tên Pháp-Ý.

“Before the last Buddha left the home-life, he had eight royal sons. The first was named Intention, the second, Good Intention, the third, Limitless Intention, the fourth Jeweled Intention, the fifth, Increasing Intention; the sixth, Intention Rid of Doubt, the seventh, Resounding Intention, and the



Tám vị vương-tử đó có uy đức tự tại đều lãnh trị bốn châu thiên hạ (26).

Nghe vua cha xuất gia chứng đạo vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác

eighth, Dharma Intention. The eight princes were of awesome virtue and self-mastery and each ruled over four continents.”

“When the princes heard that their father had left the home-life and attained Anuttarasamyaksambodhi, they all renounced their royal



đều bỏ ngôi vua cũng
xuất-gia theo,
phát tâm Đại thừa,

thường tu hạnh thanh tịnh,
đều làm bậc pháp sư, thuở
trước đã từng ở chỗ nghìn
muôn đức Phật vun trồng
các cội lành.

positions and left home as well.
They brought forth the resolve
for the Great Vehicle and
constantly cultivated Brahman
conduct.

All became Dharma Masters,
having already, in the presence of
ten million Buddhas, planted the
roots of goodness.”



21. Đức Phật Nhật-
Nguyệt Đăng-Minh lúc đó
nói kinh Đại thừa tên
“Vô-Lượng Nghĩa-Xứ”
là pháp giáo hóa Bồ-Tát
được chư Phật hộ niệm.

Nói kinh đó rồi, Phật liền
ở trong đại chúng ngồi
xếp bằng nhập vào cảnh

21. “At that time, the Buddha
Sun-Moon-Lamp Brightness
spoke a Great Vehicle Sutra
named The Limitless Principles,
a Dharma for instructing
Bodhisattvas of which the
Buddhas are protective and
mindful. When he had finished
speaking that Sutra, he then, in
the midst of the assembly, sat in



chánh định “Vô-Lượng
Nghĩa-Xứ”, thân và tâm
chẳng động.

22. Khi ấy trời mưa hoa
Mạn-đà-la, hoa Ma-ha
Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-
sa cùng hoa Ma-ha Mạn-
thù-sa để rải trên đức Phật

full lotus and entered the
Samadhi of the Station of
Limitless Principles; his body and
mind were unmoving.

22. Then from the heavens there
fell a rain of Mandarava flowers,
Mahamandarava flowers,
Manjushaka flowers, and
Mahamanjushaka flowers, which



và hàng đại-chúng. Khấp
cõi nước Phật sáu điệu
vang động.

Lúc đó trong hội, hàng
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni,
cận-sự nam, cận-sự nữ,
trời, rồng, dạ-xoa, càn-
thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la,

were scattered upon the Buddha
and the entire great assembly. All
the Buddhas' universes quaked in
six ways.

At that time the entire great
assembly of Bhikshus,
Bhikshunis, Upasakas, Upasikas,
gods, dragons, Yakshas,
Gandharvas, Asuras, Garudas,



khẩn-na-la, ma-hầu-la-dà,
nhơn, phi-nhơn cùng các
vị tiểu vương, các vị
Chuyển-luân thánh-vương
v.v...

các đại-chúng đó được
điều chưa từng có, mừng
rỡ chấp tay một lòng nhìn
Phật.

Kinnaras, Mahoragas, beings
human and non-human as well as
the minor kings and the wheel-
turning sage kings and so forth,
all attained what they had never
had before. They rejoiced and
joined their palms and, with one
heart, gazed upon the Buddha.



23. Bảy giờ, đức Như-Lai từ tướng lông trắng chặn giữa chân mày phóng ra luồng ánh sáng soi khắp cùng cả một muôn tám nghìn cõi nước ở phương đông, như nay đang thấy ở cõi Phật đây.

23. "Then the Thus Come One emitted from between his brows a white hair-mark light which illumined eighteen thousand Buddha-worlds to the east, omitting none of them. Just like all the Buddha lands now seen."



Di-Lặc nên biết! Khi đó trong hội, có hai mươi ức Bồ-Tát ưa muốn nghe pháp, các vị Bồ-Tát ấy thấy ánh sáng chiếu khắp các cõi Phật được điều chưa từng có,

“Maitreya, it should be known that there were at that time in the assembly twenty million Bodhisattvas who took delight in listening to the Dharma. Upon seeing this bright light illumine all the Buddha lands, all the Bodhisattvas obtained what they had never had and wished to



đều muốn biết vì duyên
cớ gì mà phóng ánh-sáng
này.

Khi ấy, có vị Bồ-Tát hiệu
Diệu-Quang có tám trăm
người đệ-tử.

24. Bảy giờ, đức Phật
Nhật-Nguyệt Đăng-Minh

know the causes and conditions
for this light.”

“There was at that time a
Bodhisattva by the name of
Wondrous Light who had eight
hundred disciples.

24. The Buddha Brightness of
Sun-Moon-Lamp then arose from



từ trong chánh-định mà
dậy, vì Diệu-Quang Bồ-
Tát nói kinh Đại-thừa tên
“Diệu-Pháp Liên-Hoa”
là pháp giáo hóa Bồ-Tát
được chư Phật hộ niệm,

trải qua sáu mươi tiểu
kiếp chẳng rời chỗ ngồi.

Samadhi and, for the sake of the
Bodhisattva Wondrous Light,
spoke a Great Vehicle Sutra
called the Wonderful Dharma
Lotus Flower, a Dharma for
instructing Bodhisattvas of which
the Buddha is protective and
mindful.” For sixty small aeons
he did not rise from his seat.



25. Lúc ấy trong hội, người nghe pháp cũng ngồi một chỗ đến sáu mươi tiểu kiếp thân tâm đều không lay động, nghe đức Phật nói pháp cho là như trong khoảng bữa ăn. Bảy giờ trong chúng không có một người nào

25. Those assembled listening also sat in one place for sixty small aeons with bodies and minds unmoving, listening to what the Buddha said as if it were but the space of a meal.

At that time, in the assembly, there was not a single person who



hoặc là thân hoặc là tâm
mà sanh lười mỏi.

26. Đức Phật Nhật-
Nguyệt Đăng-Minh trong
sáu mươi tiểu kiếp nói
kinh đó rồi, liền ở trong
chúng Ma, Phạm, Sa-
môn, Bà-la-môn, và Trời,

grew weary, either physically or
mentally.

26. “At the end of sixty small
aeons, having finished speaking
the Sutra, the Buddha Sun-Moon-
Lamp Brightness immediately
announced to the assembly of
Brahma, Mara, Shramanas,



Người, A-tu-la mà tuyên
rằng:

“Hôm nay vào nửa đêm,
Nhu-Lai sẽ nhập Vô-dư
Niết-bàn”.

Khi đó có vị Bồ-Tát, tên
Đức-Tạng, đức Phật
Nhật-Nguyệt Đăng-Minh
liền thọ-ký (27) cho, bảo

Brahmans, gods, humans, and
Asuras:

“Today, at midnight, the Thus
Come One will enter Nirvana
without residue.””

“There was at that time a
Bodhisattva by the name of
Virtue Treasury to whom the
Buddha Sun-Moon-Lamp



các Tỳ-kheo rằng: “Ông Đức-Tạng Bồ-Tát này kể đây sẽ thành Phật hiệu là Tịnh-Thân Như-Lai Ứng-cúng, chánh-đẳng chánh-giác”.

Đức Phật thọ ký xong, vào nửa đêm bèn nhập Vô-dư Niết-bàn.

Brightness transmitted a prediction, telling all the Bhikshus, ‘The Bodhisattva Virtue Treasury will next become a Buddha with the name of Pure-Body-Tathagato’rhan, Samyaksambuddhah.’ After that Buddha had transmitted the prediction, at midnight he entered Nirvana without residue.”



27. Sau khi đức Phật diệt-
độ,
Diệu-Quang Bồ-Tát trì
kinh “Diệu-Pháp Liên-
Hoa” trải tám mươi tiểu
kiếp vì người mà diễn nói.

28. Tám người con của
Phật Nhật-Nguyệt Đăng-

27. “Following the Buddha’s
crossing over into extinction, the
Bodhisattva Wondrous Light
upheld the Wonderful Dharma
Lotus Flower Sutra for a full
eighty small aeons, expounding it
to others.

28. The eight sons of the Buddha
Sun-Moon-Lamp Brightness all



Minh đều học với ngài Diệu-Quang, ngài Diệu-Quang dạy bảo cho đều vững bền ở nơi đạo vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác. Các vị Vương-tử đó cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật đều thành Phật-đạo. Vị thành

served Wondrous Light as their master. Wondrous Light taught and transformed them, causing them to become firmly established in Anuttarasamyaksambodhi.”
“The princes, having made offerings to limitless hundreds of thousands of tens of thousands of millions of Buddhas, all realized



Phật rốt sau hết, hiệu là
Nhiên-Đăng.

29. Trong hàng tám trăm
người đệ-tử có một người
tên: Cầu-Danh, người này
tham ưa danh lợi, dầu
cũng đọc tụng các kinh
mà chẳng thuộc rành,

the Buddha Way. The very last to
become a Buddha was one named
Burner of the Lamp.”

29. “Among the eight hundred
disciples was one named Seeker
of Fame, who was greedily
attached to profit and offerings.
Although he read and recited
many scriptures, he did not



phần nhiều quên mất, nên gọi là Cầu-Danh.

Người này cũng do có trồng các nhân duyên căn lành nên được gặp vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật mà cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi.

comprehend them and forgot most of what he learned. For that reasons he was called Seeker of Fame. Because he had also planted good roots, he was able to encounter limitless hundreds of thousands of tens of thousands of millions of Buddhas, making offerings to them and honoring them, venerating and praising



30. Di-Lặc nên biết! Lúc đó Diệu-Quang Bồ-Tát đâu phải người nào lạ, chính là ta đây. Còn Cầu-Danh Bồ-Tát là ngài đây.

them.”

30. “Maitreya, it should be known, could the Bodhisattva Wondrous Light have been anyone else? I, myself, was him. And the Bodhisattva Seeker of Fame was you, yourself!”



Nay thấy điềm lành này,
cùng với xưa không khác,
cho nên ta xét nghĩ hôm
nay đức Phật Như-Lai sẽ
nói kinh Đại-thừa tên:
“Diệu-Pháp Liên-Hoa”

là pháp giáo hóa Bồ-Tát
được chư Phật hộ niệm.

“The portents now seen do not
differ from those, and so, in my
estimation, today the Thus Come
One is about to speak a Great
Vehicle Sutra called The
Wonderful Dharma Lotus
Flower, a Dharma for instructing
Bodhisattvas of which the
Buddha is protective and
mindful.”



Bảy giờ, ngài Văn-Thù
Sư-Lợi Bồ-Tát ở trong
đại-chúng, muốn tuyên lại
nghĩa trên mà nói kệ rằng:

31. Ta nhớ thuở quá khứ
Vô lượng vô số kiếp
Có Phật Nhân Trung-Tôn

At that time Manjushri, in the
midst of the assembly, wishing to
restate his meaning, spoke verses,
saying:

31. I recall that in ages past,
Limitless, countless aeons ago,
There appeared a Buddha, one
honored among people,



Hiệu Nhật-Nguyệt Đăng-
Minh

Đức Thế-Tôn nói pháp

Độ vô lượng chúng sanh

Vô số ức Bồ-Tát

By the name of Brightness of
Sun-Moon-Lamp,

That World Honored One
proclaimed the Dharma,

Taking limitless living beings
across,

Causing countless millions of
Bodhisattvas



Khiến vào trí huệ Phật.

32. Khi Phật chưa xuất
gia

Có sanh tám vương-tử
Thấy Đại-Thánh xuất gia

Cũng theo tu phạm-hạnh

To enter the wisdom of the
Buddhas.

32. Before that Buddha had left
home,

The eight royal sons born to him,
Seeing the Great Sage leave him
home,

Also followed him to practice
Brahman conduct.



33. Phật nói kinh Đại-
thừa
Tên là “Vô-Lượng-
Nghĩa”
Ở trong hàng đại chúng

Mà vì rộng tỏ bày.
Phật nói kinh ấy rồi

33. The Buddha then spoke a
Great Vehicle
Sutra by the name of Limitless
Principles;
Amidst the assembly, and for
their sake,
He set it forth in extensive detail.
When the Buddha had finished
speaking the Sutra,



Liền ở trong pháp tòa
Xếp bằng nhập chánh
định
Tên “Vô-Lượng-Nghĩa-
Xứ”
Trời rưới hoa Mạn-đà
Trông trời tự nhiên vang

Seated in the Dharma-seat,
He sat in full lotus and entered
the Samadhi
Called the Station of Limitless
Principles.
From the heavens fell a rain of
Mandarava flowers,
And heavenly drums of
themselves did sound,



Các trời, rồng, quỷ, thần
Cúng dường đấng Nhân-
Tôn,
Tất cả các cõi Phật
Tức thời vang động lớn,

34. Phật phóng sáng giữa
mày
Hiện các việc hi hữu

While all the gods, dragons,
ghosts and spirits,
Made offerings to the Honored
One;
And, within all the Buddha lands,
There occurred a mighty
trembling.

34. The light emitted from
between the Buddha's brows
Manifested all these rare events.



Ánh sáng chiếu phương
Đông
Muôn tám nghìn cõi Phật
Bày sanh tử nghiệp báo
Của tất cả chúng sanh
Lại thấy các cõi Phật

The light illumined to the east
Eighteen thousand Buddha lands,
Revealing the places of living
beings'
Karmic retributions of birth and
death.
Seen, too, were Buddha lands
adorned



Dùng các báu trang
nghiêm

Màu lưu ly pha lê

Đầy bởi Phật quang soi.

35. Lại thấy những trời,
người

Rồng, thần, chúng Dạ-xoa

With a multitude of gems,

The color of lapis lazuli and
crystal,

Illumined by the Buddha's light.

35. Seen as well were gods and
people,

Dragons, spirits, and Yaksha
hordes,



Càn-thát, Khẩn-na-la
Đều cúng dường Phật
mình

36. Lại thấy các Như-Lai

Tự nhiên thành Phật đạo,

Màu thân như núi vàng

Gandharvas and Kinnaras,
Each making offerings to the
Buddha.

36. Thus come ones, too, all were
seen

As they naturally accomplished
the Buddha Way,

Their bodies' hue like mountains
of gold,



Đoan nghiêm rất đẹp màu
Như trong lưu ly sạch
Hiện ra tượng chơn kim

Thế-Tôn trong đại chúng

Dạy nói nghĩa thâm diệu.

37. Mỗi mỗi các cõi Phật

Upright, serene, subtle, and fine,
As, within pure lapis lazuli
Would appear an image of real
gold.

The World Honored Ones in
those assemblies

Proclaimed the profound
principle of the Law.

37. In all the Buddhas' lands,



Chúng Thanh-văn vô số,

Nhân Phật-quang soi sáng

Đều thấy đại-chúng kia.

Hoặc có các Tỳ-kheo

Ở tại trong núi rừng

Were Shravaka hosts,
uncountable

Through the illumination of the
Buddha's light

Those assemblies all were fully
seen.

There were also Bhikshus who,
Dwelt within the mountain
groves,



Tinh tấn giữ tịnh giới

Dường như gìn châu sáng

38. Lại thấy các BỒ-Tát
Bồ thí nhẫn nhục thảy

Số đông như hằng sa (28)

Đầy bởi sáng Phật soi.

Vigorously upholding the pure
precepts

As if guarding brilliant pearls.

38. Also seen were Bodhisattvas
Practicing giving, patience, and
so forth,

Their number like the Ganges'
sands,

Illumined by the Buddha's light.



Lại thấy hàng Bồ-Tát
Sâu vào các thiền định

Thân tâm lặng chẳng
động
Đề cầu đạo vô thượng.

Lại thấy các Bồ-Tát

Seen too were Bodhisattvas who
Had deeply entered Dhyana
Samadhi,

With bodies and minds still and
unmoving

They sought the Way
unsurpassed.

Bodhisattvas, too, were seen who
knew



Rõ tướng pháp tịch diệt

Đều ở tại nước mình
Nói pháp cầu Phật đạo.

39. Bảy giờ bốn bộ chúng
Thấy Phật Nhật-Nguyệt-
Đăng

The Mark of Dharmas' still
extinction;

Each one within his Buddhaland
Spoke Dharma, seeking the
Buddha's path.

39. Then the four-fold multitudes
Seeing the Buddha Sun-Moon-
Lamp



Hiện sức thần thông lớn
Tâm kia đều vui mừng
Mỗi người tự hỏi nhau
Việc này nhân-duyên gì?

40. Đấng của trời người
thờ
Vừa từ chánh-định dậy

Manifest great and powerful
spiritual penetrations,
In their hearts all rejoiced,
And inquired, each of the other,
"What is the reason for these
events?"

40. The Honored One, revered by
gods and humans,
Just then from Samadhi did arise,



Khen Diệu-Quang Bồ-Tát

Ông là mắt của đời
Mọi người đều tin về
Hay vâng giữ tạng pháp

Như pháp của ta nói
Chỉ ông chứng biết được

And praised the Bodhisattva
Wondrous Light:

"You act as eyes for the world,
All return to you in faith; you are
Able reverently to hold the
Dharma-store.

Dharma such as I do speak--
You alone can certify to its
understanding."



Đức Phật đã ngợi khen

Cho Diệu-Quang vui
mừng

Liền nói kinh Pháp-Hoa

Trải sáu mươi tiểu kiếp
Chẳng rời chỗ ngồi ấy
Ngài Diệu-Quang Pháp-
sư

The World Honored One having
praised him,

And caused Wondrous Light to
rejoice,

Then spoke the Sutra of the
Dharma Flower.

For a full sixty minor aeons

He did not rise from his seat.

The Dharma Master Wondrous
Light



Trọn đều hay thọ trì

Pháp thượng diệu của
Phật.

41. Phật nói kinh Pháp-
Hoa

Cho chúng vui mừng rồi

Liên chính trong ngày đó

Was fully able to receive and
hold

The supreme and wondrous
Dharma that he spoke

41. The Buddha, having spoken
The Dharma Flower,

And caused the assembly to
rejoice,

Later, on that very day,



Bảo hàng chúng trời,
người

Các pháp “nghĩa thật
tướng”

Đã vì các ông nói

Nay ta ở giữa đêm

Sẽ vào cõi Niết-bàn

Phải một lòng tinh tấn

Announced to the host of gods
and humans;

"The meaning of the real mark of
all Dharmas

Has already been spoken for all
of you,

And now at midnight, I
shall enter into Nirvana.

You should single-heartedly
advance with vigor,



Rời các sự buông lung
Các Phật rất khó gặp

Ưc kiếp được một lần

42. Các con của Phật thầy

Nghe Phật sắp nhập diệt

And avoid laxness, for
Buddhas are difficult indeed to
meet,
Encountered but once in a million
aeons."

42. All of the disciples of the
World Honored One

Hearing of the Buddha's entry
into Nirvana,



Thấy đều lòng buồn khổ

Sao Phật gấp Niết-bàn?

Đấng Thánh-chúa-Pháp-
vương

An ủi vô lượng chúng:

Nếu lúc ta diệt độ

Each harbored grief and anguish,
"Why must the Buddha take
extinction so soon?"

The sagely Lord, the Dharma
King,

Then comforted the limitless
multitude:

“After my passage into
extinction,



Các ông chớ lo sợ

Đức-Tạng Bồ-Tát đây

Tâm đã được thông thấu

Nơi vô lậu thiết tướng

Kế đây sẽ thành Phật

Tên hiệu là Tịnh-Thân

None of you should worry or
fear,

For the Bodhisattva Virtue
Treasury,

With respect to the non-outflow
mark of reality,

In heart has penetrated it totally;

He will next become a Buddha,

By the name of Pure Body, and



Cũng độ vô lượng chúng.

43. Đêm đó Phật diệt độ

Như củi hết, lửa tắt

Chia phân các xá-lợi
Mà xây vô lượng tháp
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni

Will also save uncounted
multitudes.

43. That night the Buddha passed
into extinction,

As a flame dies once its fuel has
been consumed.

The Sharira were divided up,
And limitless stupas built.
The Bhikshus and Bhikshunis,



Số đông như hẳng sa

Lại càng thêm tinh tấn

Đề cầu đạo vô thượng

44. Diệu-Quang pháp-sư
ấy

Their number like the Gange's
sands,

Redoubled their vigor in
advancing

In their quest for the unsurpassed
path.

44. The Dharma Master
Wondrous Light



Vâng giữ Phật pháp tạng

Trong tám mươi tiểu kiếp.

Rộng nói kinh Pháp-Hoa.

Tám vị vương-tử đó

Được Diệu-Quang dạy

bảo

Vững bền đạo vô-thượng

Reverently kept the store of the
Buddha's Law;

For eighty minor aeons, he

Widely spread the Sutra of the
Dharma Flower.

All of the eight royal sons

Taught and led by Wondrous
Light,

Became solid in the unsurpassed
path,



Sẽ thấy vô số Phật

Cúng dường các Phật
xong

Thuận theo tu đại đạo

Nói nhau đặng thành Phật

Chuyển thứ thọ ký nhau,

And met with Buddhas beyond
all count.

Having presented them offerings,

They accordingly practiced the
Great Way,

And in succession, became
Buddhas,

Transmitting prophecies in turn.



Đấng Phật rốt sau cả

Hiệu là: Phật Nhiên-Đăng

Đạo-Sư (29) của thiên
tiên

Độ thoát vô lượng chúng.

The last of these, a god among
gods,

Was a Buddha by the name of
Burner of the Lamp,

A guiding master of all the
immortals,

Who brought release to countless
multitudes.



45. Diệu-Quang Pháp-sư

đó

Có một người đệ tử

Tâm thường hay biếng trễ

Tham ưa nơi danh lợi

Cầu danh lợi không nhàm

Thường đến nhà sang

giàu

45. The Dharma Master

Wondrous Light

Had a disciple at that time

Whose heart harbored laxness,
and who

Was greedily attached to fame
and gain.

Seeking fame and gain untiringly,

He often visited the great clans;



Rời bỏ việc tụng học
Bỏ quên không thông
thuộc
Vì bởi nhân duyên ấy

Nên gọi là Cầu-Danh

Cũng tu các nghiệp lành

He cast aside his recitations
Neglected, forgot, and failed to
comprehend them.
These, then, were the reasons
why
He was given the name "Seeker
of Fame."
Yet he also practiced many good
deeds,



Được thấy vô số Phật

Cúng dường các đức Phật

Thuận theo tu đại đạo

Đủ sáu ba-la-mật

Nay gặp đấng Thích-Ca

Sau đây sẽ thành Phật

Hiệu là: Phật Di-Lặc

Enabling him to meet uncounted
Buddhas,

And make offerings to all of
them.

Accordingly he walked the great
path,

And perfected the Six Paramitas.

Now he meets the Shakyam Lion;

Later, He will become a Buddha

By the name of Maitreya,



Rộng độ khắp chúng sanh

Số đông đến vô lượng.

46. Sau Phật kia diệt độ

Lười biếng đó là ngài
Còn Diệu-Quang Pháp-sư

Who will broadly take all beings
over--

Their number far beyond all
count.

46. After that Buddha had passed
into extinction,

The indolent one was you,
And the Dharma Master
Wondrous Light,



Nay thời chính là ta.
Ta thấy Phật Đăng-Minh

Điềm sáng trước như thế

Cho nên biết rằng nay
Phật muốn nói “Pháp-
Hoa”

Tướng nay như điềm xưa.

Was I, myself, now present here.
I saw the Buddha Brightness of
Lamp;

His light and portents were like
these.

Thus I know the present Buddha,
Wishes to speak The Dharma
Flower Sutra.

The present marks are like the
portents past,



Là phương tiện của Phật

Nay Phật phóng ánh sáng

Giúp bày nghĩa thiết
tượng

Các người nay nên biết

Chắp tay một lòng chờ

Expedient devices of the
Buddhas.

The Buddha now puts forth
bright light,

To help reveal the real mark's
meaning.

All of you now should
understand, and

With one heart, join your palms,
and wait;



Phật sẽ rưới nước pháp

Đầy đủ người cầu đạo

Các người cầu ba thừa
(30)

Nếu có chỗ nghi hối

Phật sẽ dứt trừ cho

The Buddha will let fall the
Dharma rain,

To satisfy all those who seek the
Way.

Those who seek three vehicles,

Should they have doubts or
regrets,

The Buddha will remove them
now,



Khiến hết không còn
thừa.

So that they vanish and none
remain.



KINH DIỆU PHÁP LIÊN
HOA – Quyển 1

Hán dịch: Tam Tạng Pháp
Sư Cưu Ma La Thập
Việt dịch: Hòa thượng
Thích Trí Tịnh

LOTUS SUTRA
Volume I

Chinese translation: Tripitaka
Dharmabhāṅga Kumārajīva
English translation: [City of
Ten Thousand Buddhas, USA.](#)



Light adaptation by:
support@daotrangtayphuong.org

Conventions:

- Text absent in Vietnamese: English text put in footnotes or in Appendixes or in []
- Text absent in English: Put in italic font if translated.



- Bold *italic*: Using translation from <http://evdhamma.org/index.php/sutras/lotus-nirvana/lotus-sutra/>
- [*italic*] in Vietnamese: differences among Vietnamese versions



PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” (31) THỨ HAI

1. Lúc bảy giờ, đức Thế-Tôn từ chánh định an lành mà dậy, bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Trí-huệ của các đức Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ đó khó hiểu khó vào, tất cả

PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” THỨ HAI (Expedient Devices)

1. At that time the World Honored One arose serenely from samadhi and told Shariputra: “The wisdom of all the Buddhas is extremely profound and unlimited. The gateway to this wisdom is difficult to understand and difficult



hàng Thanh-văn cùng
Bích-chi-Phật đều không
biết được.

Vì sao? Phật đã từng gần
gũi trăm nghìn muôn ức,
vô số các đức Phật, trọn
tu vô lượng đạo pháp
của các đức Phật,

to enter. It cannot be known by any
of the Hearers or Pratyekabudhas.

What is the reason? The Buddhas
have, in the past, drawn near to
countless hundreds of thousands of
tens of thousands of millions of
Buddhas, exhaustively practicing



dũng mãnh tinh tấn,

danh tốt đồn khắp,
trọn nên pháp rất sâu
chưa từng có,
theo thời nghi
mà nói pháp
ý thú khó hiểu.

the unlimited dharmas of the Way of those Buddhas. They are forging ahead with courage and vigor and their names are known everywhere.” “They have accomplished the most profound Dharma, one which has never been before, and speak of it according to what is appropriate, but its purport is difficult to understand.”



Xá-Lợi-Phất! Từ ta thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các thứ thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp.

“Shariputra, from the time I realized Buddhahood, I have, by means of various causes and conditions and various analogies, extensively proclaimed the verbal teaching. With countless expedient devices, I have guided living beings, leading them to separate from all attachments.”



Vì sao? Đức Như-Lai đã
đầy đủ phương tiện, tri
kiến và ba-la-mật.

Xá-Lợi-Phất! Tri kiến
của Như-Lai
rộng lớn sâu xa,
đức vô lượng vô-ngại-
lực,

“Why is this? The Thus Come One
has already perfected his expedient
devices, his knowledge and vision,
and the paramitas.”

“Shariputra, the knowledge and
vision of the Thus Come One is
vast, great, profound, and far-
reaching. He has profoundly
entered, without boundary, the



vô-sở-úy,
thiền-định,
giải-thoát tam-muội, đều
sâu vào không ngần mé,
trọn nên tất cả pháp chưa
từng có.

Xá-Lợi-Phát! Như-Lai
hay các món phân biệt,
khéo nói các pháp lời lẽ

unlimiteds, the unobstructeds, the
powers, the fearlessnesses,
the dhyana concentrations,
and the samadhis of liberation,
accomplishing all those dharmas
never had before.”

“Shariputra, the Thus Come One is
able to make various
discriminations, cleverly speaking



êm dịu vui đẹp lòng
chúng.

Xá-Lợi-Phất! Tóm yếu
mà nói đó, vô lượng vô
biên pháp vị tăng hữu,
đức Phật thấy đều trọn
nên.

all dharmas. His speech is gentle
and delights the hearts of the
multitudes.”

“Shariputra, essentially speaking,
the Buddha has fully accomplished
all of those unlimited, boundless
dharmas which have never been
before.”



2. Thôi Xá-Lợi-Phất!
Chẳng cần nói nữa. Vì
sao? Vì pháp khó hiểu ít
có thứ nhất mà Phật trọn
nên đó, chỉ có Phật cùng
Phật mới có thể thấu tột
tướng chân thật của các
pháp,
nghĩa là các pháp:

2. “Stop.” “Shariputra, there is no
need to speak further. Why is this?
As to that foremost, rare, and hard-
to-understand Dharma
accomplished by the Buddha—
only the Buddhas and the Buddha
can exhaust the Real Mark of all
dharmas.
That is to say with regard to all
dharmas:



tướng như vậy,
tánh như vậy,
thể như vậy,
lực như vậy,
tác như vậy,
nhân như vậy,
duyên như vậy,
quả như vậy,
báo như vậy,

the suchness of the marks,
the suchness of the nature,
the suchness of the substance,
the suchness of the power,
the suchness of the function,
the suchness of the causes,
the suchness of the conditions,
the suchness of the effects,
the suchness of the retributions,



trước sau rốt ráo như vậy.

Bấy giờ, đức Thế-Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói bài kệ rằng:

3. Đấng Thế-Hùng khó lường

and the suchness of the ultimate equality from beginning to end.”

At that time, the World Honored One, wishing to restate this meaning, spoke verses saying,

3. Illimitable are the heroes of the world.



Các trời cùng người đời
Tất cả loài chúng sanh
Không ai hiểu được Phật
Trí-lực, vô-sở-úy
Giải thoát các tam-muội
Các pháp khác của Phật
Không ai so lường được

All the gods and people in the
world,
And all the classes of living beings
Cannot know the Buddhas.
The Buddhas' powers,
fearlessnesses,
Liberations and samadhis,
And other dharmas of the Buddhas
Can be fathomed by no one.



Vốn từ vô số Phật

Đầy đủ tu các đạo
Pháp nhiệm màu rất sâu

Khó thấy khó rõ được
Trong vô lượng ức kiếp
Tu các đạo đó rồi
Đạo tràng được chứng
quả

Formerly, following countless
Buddhas,
I perfectly walked all the paths
Of the wonderful Dharma, subtle
and deep,

Hard to see and hard to understand
Through limitless millions of eons,
I walked down all these paths.
In the Bodhimanda, I realized the
fruit,



Ta đều đã thấy biết

Quả báo lớn như vậy
Các món tánh tướng
nghĩa

Ta cùng mười phương
Phật

Mới biết được việc đó

And have fully known and seen it
all.

The great effect and retribution,
The various natures, marks, and
meanings,

Are such that I and the ten-
direction Buddhas

Alone can understand these
matters.



4. Pháp đó không chỉ
được
Vắng bật tướng nói năng

Các loài chúng sinh khác
Không có ai hiểu được

Trừ các chúng Bồ-Tát
Người sức tin bền chặt
Các hàng đệ tử Phật

4. This Dharma cannot be
demonstrated,
The mark of language being still
and extinct;
Of all the kinds of living beings
There is none who can understand
it.
Except the host of Bodhisattvas,
Firm in the power of faith.
The host of the Buddha's disciples



Tùng cúng dường các
Phật

Tất cả lậu đã hết

Trụ thân rốt sau này

Các hạng người vậy thấy

Sức họ không kham
được,

Giả sử đầy thế gian

Who have made offerings to the
Buddhas

And who have exhausted all
outflows,

And dwell in their final bodies—

The strength of people such as
these

Also proves inadequate.

If the world were filled



Đều như Xá-Lợi-Phất
Cùng suy chung so
lường
Chẳng lường được Phật
trí
Chính sử khắp mười
phương
Đều như Xá-Lợi-Phất

With those like Shariputra,
Who together spent their thoughts
to measure it,
They could not fathom the
Buddha's wisdom.
Truly, suppose the ten directions,

Were filled with those like
Shariputra,



Và các đệ-tử khác

Cũng đầy mười phương
cõi

Cùng suy chung so
lường

Cũng lại chẳng biết
được.

Bậc Duyên-giác trí lành

And that the remaining disciples
filled

All the lands in the ten directions,

And that together they spent their
thoughts to measure it,

They also could not know it.

If Pratyekabuddhas of sharp
wisdom



Vô lậu thân rốt sau

Cũng đầy mười phương
cõi

Số đông như rừng tre,

Hạng này chung một
lòng

Trong vô lượng ức kiếp

Without outflows, in their final
bodies,

Also filled the ten directions,

Their number like the bamboo in
the forest,

And if they put their minds
together,

Wishing to think about the
Buddha's real wisdom,



Muốn xét Phật thật trí

Chẳng biết được chút
phần.

Bồ-Tát mới phát tâm

Cúng dường vô số Phật

Rõ thấu các nghĩa thú

Throughout measureless millions
eons,

They could not know the smallest
part of it.

Suppose newly resolved
Bodhisattvas,

Who have made offerings to
countless Buddhas,

Who understand the principle and
the purport,



Lại hay khéo nói pháp

Như lúa, mè, tre,

lau

Đông đầy mười phương

cõi

Một lòng dùng trí mầu

Trải số kiếp hằng

sa

And are well able to speak the
Dharma,

Whose numbers are like rice,
hemp, bamboo, and reeds,

Filled the ten-direction lands,

And suppose with one mind and
with wondrous wisdom,

Throughout eons like the Ganges'
sands,



Thấy đều chung suy
lường
Chẳng biết được trí Phật
Hàng bất-thối Bồ-Tát
Số đông như hằng sa
Một lòng chung suy cầu

They were all together to think it
over,
Even they could not know the
Buddha's wisdom.
Suppose that non-retreating
Bodhisattvas,
Their number like the Ganges'
sands,
With one mind thought to seek that
wisdom



Cũng lại chẳng hiểu
được.

5. Lại bảo Xá-Lợi-Phất
Pháp nhiệm màu rất sâu
Vô lậu khó nghĩ bàn
Nay ta đã được đủ
Chỉ ta biết tướng đó
Mười phương Phật cũng
vậy,

They also could not know of it.

5. And what is more, Shariputra,
That inconceivable, non-outflow,
Most profound and subtle Dharma,
I have perfectly obtained,
And I alone know its mark,
Along with the ten-direction
Buddhas.



Xá-Lợi-Phất phải biết
Lời Phật nói không khác

Với Pháp của Phật nói

Nên sinh sức tin chắc

Pháp của Phật lâu
sau

Shariputra, you should know
The words of the Buddhas do not
differ.

In the Dharma spoken by the
Buddhas

You should place the power of
great faith.

When the World Honored One's
Dharma is at its end,



Cần phải nói chân thật
Bảo các chúng Thanh-
văn

Cùng người cầu Duyên-
giác

Ta khiến cho thoát
khổ

Đến chứng được Niết-
bàn

The true and real must be spoken.
I tell the assembly of Hearers

And those who seek the
Conditioned Enlightened Vehicle,
That I will lead them to cast off
suffering's bond,

And arrive at Nirvana.



Phật dùng sức phương
tiện
Dạy cho ba thừa
giáo
Chúng sanh nơi nơi chấp
Đắt đó khiến ra khỏi.

6. Khi đó trong đại
chúng có hàng Thanh-

The Buddha uses the power of
expedients,
Demonstrating the teaching of
Three Vehicles,
So that living beings, attached in
many places,
May be guided to escape.

6. At that time in the assembly
there were Hearers, Arhats with



văn lậu tận A-la-hán,
ngài A-Nhã Kiều-Trần-
Nhu v.v... một nghìn hai
trăm người và các Tỳ-
kheo, Tỳ-kheo-ni, cận-
sự-nam cùng cận-sự-nữ,
hạng người phát tâm
Thanh-văn, Duyên-giác
đều nghĩ rằng: “Hôm
nay đức Phật có chi lại

outflows extinguished,
Ajnatakaundinya and others,
twelve hundred persons, as well as
Bhikshus, Bhikshunis, Upasakas,
and Upasikas who had brought
forth the resolve to become
Hearers and Pratyekabuddhas.
They all had the following thought:
“Why, now, does the World
Honored One repeatedly praise the



ân cần ngợi khen phương tiện mà nói thế này: “Pháp của Phật chúng rất sâu khó hiểu, tất cả hàng Thanh-văn cùng Duyên-giác không thể đến được”. Đức Phật nói một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng chứng được pháp đó đến nơi

expedient devices saying, ‘the Dharma obtained by the Buddha is so extremely profound and difficult to understand and the purport of his speech is so difficult to know, that none of the Hearers or Pratyekabuddhas can grasp it.’ The Buddha has spoken of but one principle of liberation and we have already obtained this Dharma and



Niết-bàn, mà nay chẳng rõ nghĩa đó về đâu?

7. Lúc ấy, ngài Xá-Lợi-Phất biết lòng nghi của bốn chúng, chính mình cũng chưa rõ, liền bạch Phật rằng: “Thưa Thế-Tôn! Nhân gì duyên gì mà Phật ân cần khen

arrived at Nirvana. Now, we do not understand his intention.”

7. At that time Shariputra, knowing the doubts in the minds of the fourfold assembly, and himself not yet fully understanding, addressed the Buddha saying: “For what reason has the World Honored One repeatedly praised the foremost



ngợi pháp phương-tiện
thứ nhất nhiệm mầu rất
sâu khó hiểu của các đức
Phật? Con từ trước đến
nay chưa từng nghe Phật
nói điều đó, hôm nay
bốn chúng thấy đều có
lòng nghi. Cúi xin đức
Thế-Tôn bày nói việc đó.
Có gì mà đức Thế-Tôn

expedient devices of the Buddhas
and the extremely profound and
wonderful Dharma which is
difficult to understand? From the
past onwards I have never heard
the Buddha speak in such a way.
Presently, the fourfold assembly all
has doubts. I only pray that the
World Honored One will expound
upon this subject: Why has the



ân cần khen ngợi pháp
nhiệm màu rất sâu khó
hiểu?

Khi đó ngài Xá-Lợi-Phất
muốn tuyên lại nghĩa
trên mà nói kệ rằng:

8. Đấng Huệ-Nhật Đại-
thánh

World Honored One repeatedly
praised the Dharma, which is
extremely profound, subtle, and
hard to understand?”

At that time, Shariputra, wishing to
restate this meaning, spoke verses
saying:

8. Oh! Sun of Wisdom, Great
Honored Sage,



Lâu mới nói pháp
này,
Tự nói pháp mình chứng
Lực, vô-úy, tam-muội,
Thiền-định, giải-thoát
thảy
Đều chẳng nghĩ bàn
được.

Long have you waited to speak this
Dharma;
Speaking of your attainments of
such
Powers, fearlessnesses, and
samadhis,
Dhyana samadhis and liberations,
And other inconceivable dharmas.



Pháp chứng nơi đạo
tràng

Không ai hỏi đến được,
Ý con khó lường được
Cũng không ai hay hỏi.
Không hỏi mà tự nói
Khen ngợi đạo mình làm
Các đức Phật chứng
được

Concerning the Dharma obtained
in the Bodhimanda,

No one is able to raise a question.
I find its meaning hard to fathom,
And am also unable to ask about it.
So you speak unasked,
Praising the path you have walked
Attained by all the Buddhas.



Trí huệ rất nhiệm mầu.
Hàng vô-lậu La-hán
Cùng người cầu Niết-
bàn

Nay đều sa lưới nghi
Phật có chi nói thế?
Hạng người cầu Duyên-
giác.

Tỳ-kheo, Tỳ kheo-ni,
Các trời, rồng, quỷ, thần

And that wisdom fine and subtle,
All the Arhats, without outflows,
And those who seek Nirvana,

Have fallen into a net of doubts.
“Why has the Buddha said this?”

Those who seek Condition
Enlightenment,
The Bhikshus, the Bhikshunis,
Gods, dragons, ghosts, and spirits,



Và Càn-thát-bà thấy
Ngó nhau mang lòng
nghĩ
Nhìn trông đấng Túc-
Tôn,
Việc đó là thế
nào
Xin Phật vì dạy
cho?

Gandharvas and others,
Look at one another, perplexed,

And then gaze at the Doubly
Complete Honored One.
“What is the meaning of this
matter?”
“We pray that the Buddha will
explain.”



Trong các chúng Thanh-
văn

Phật nói con hạng
nhất

Nay con nơi trí mình

Nghi lắm không rõ được

Vì là pháp rốt ráo

Vì là đạo Phật làm

Con từ miệng Phật sanh

Of the host of Hearers

The Buddha has declared me
foremost,

And yet now with my own wisdom
I cannot resolve my doubts.

Is this Dharma ultimate?

Or is it the path to be walked?

Disciples born from the Buddha's
mouth,



Chấp tay nhìn trông chờ

Xin ban tiếng nhiệm
mầu

Liền vì nói như thực
Các trời, rồng, thần thảy

Số đông như hằng sa

Bồ-Tát cầu thành Phật

With joined palms wait,
expectantly.

Pray put forth the subtle sound,

For it is time to tell it as it really is.

The gods, dragons, spirits, and
others

Their numbers like the Ganges'
sands,

Bodhisattvas seeking Buddhahood,



Số nhiều có tám muôn
Lại những muôn ức
nước

Vua Chuyển-Luân-
vương đến
Đều lòng kính chấp tay

Muốn nghe đạo đầy đủ.
9. Khi đó đức Phật bảo
ngài Xá-Lợi-Phất: “Thôi

Numbering a full eighty thousand,
And, from myriads of millions of
lands,

Wheel-turning sage kings have
come,
With joined palms and reverent
minds

All wish to hear of the perfect way.
9. At that time the Buddha told
Shariputra, “Stop! Stop! There is



thôi! Chẳng nên nói nữa, nếu nói việc đó tất cả trong đời các trời và người đều sẽ kinh sợ nghi-ngờ”.

10. Ngài Xá-Lợi-Phất lại bạch Phật rằng: “Thưa Thế-Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó.

no need to speak further. If this matter were spoken of, the gods and humans in all the worlds would be frightened and led to doubts.”

10. Shariputra again addressed the Buddha saying, “World Honored One, I only pray that you will speak it. I only pray that you will



Vì sao? Trong hội đây có vô số trăm nghìn muôn ức a-tăng-kỳ chúng-sinh đã từng gặp các đức Phật, các căn mạnh mẽ, trí huệ sáng suốt, được nghe Phật dạy chắc có thể kính tin”.

“speak it. What is the reason? In this assembly are countless hundreds of thousands of myriads of millions of asankhyeyas of living beings who have, in the past, seen the Buddhas. Their roots are keen and their wisdom bright. Hearing what the Buddha says they will be able to revere and believe it.”



Lúc ấy, ngài Xá-Lợi-
Phất muốn tuyên lại
nghĩa này mà nói kệ
rằng:

Đấng Pháp-Vương vô
thượng

Xin nói nguyện đừng lo

Vô lượng chúng hội đây

At that time, Shariputra, wishing to
restate this meaning, spoke the
following verses:

Dharma King, Supremely Honored
One,

Do but speak; pray have no
worries,

For, with in the limitless
multitudes,



Có người hay kính tin.

11. Đức Phật lại ngăn Xá-Lợi-Phất: “Nếu nói việc đó thì tất cả trong đời, trời, người, A-tu-la đều sẽ nghi sợ, Tỳ-kheo tăng-thượng-mạn sẽ phải sa vào hầm lớn”.

Are those who can revere and believe it.

11. The Buddha again stopped Shariputra, “If this matter were spoken of, the gods, humans, and asuras in all the worlds would be frightened and led to doubt, and those Bhikshus of overweening pride would fall into a big pit.”



Khi đó đức Thế-Tôn nói
kệ rằng:

Thôi thôi! Chẳng nên nói
Pháp ta diệu khó nghĩ

Những kẻ tăng-thượng-
mạn

Then the World Honored One
restated his meaning in verse,
saying:

Stop, stop. It must not be spoken.
My Dharma is wonderful beyond
conception,

And those of undue pride who
heard it,



Nghe ắt không kính tin.

12. Lúc ấy ngài Xá-Lợi-Phất bạch Phật rằng:

“Thưa Thế-Tôn! Cúi xin Phật nói, cúi xin Phật nói. Nay trong hội này hạng người sánh bằng con có trăm nghìn muôn ức. Đời đời đã từng theo

Surely would neither revere nor believe it.

12. At that time, Shariputra further addressed the Buddha, saying,

“World Honored One, I only pray that you will speak it. I only pray that you will speak it. Presently, within this assembly are those who are my equal, hundreds of thousands of myriads of millions



Phật học hỏi, những người như thế chắc hay kính tin lâu dài an ổn nhiều điều lợi ích.

Khi đó ngài Xá-Lợi-Phất, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

of them. Life after life they have been transformed by the Buddha. People such as these will surely be able to revere and believe you. They will gain security and great benefit within the long night.”
At that time, Shariputra, wishing to restate his meaning, recited the following verses:



Đấng vô thượng Lương-
túc

Xin nói pháp đệ nhất
Con là trưởng tử Phật
Xin thương phân biệt
nói.

Vô lượng chúng hội đây
Hay kính tin pháp này

Supreme and Doubly Honored
One.

Pray speak the foremost Dharma.
I, the Buddha's eldest disciple,
Wish you will but speak it in
detail.

The limitless host here assembled,
Can revere and believe this
Dharma,



Đời đời Phật đã từng

Giáo hóa chúng như thế

Đều một lòng chấp tay

Muốn nghe lãnh lời

Phật.

Chúng con nghìn hai

trăm

Cùng hẠng cầu Phật nọ

For the Buddha has, for life after
life,

Taught and transformed such ones
as these.

With one mind, with palms joined,

We all wish to hear the Buddha
speak.

Twelve hundreds of us there are,

And more, seeking Buddhahood.



Nguyện Phật vì chúng
này

Cúi xin phân biệt nói
Chúng đây nghe pháp ấy
Thời sanh lòng vui
mừng.

13. Bảy giờ, đức Thế-
Tôn bảo ngài Xá-Lợi-
Phất: “Ông đã ân cần ba

Pray, for those assembled here,

Speak of it in detail;
Having heard this Dharma,
Great will our rejoicing be.

13. Thereupon the World Honored
One told Shariputra, “Since you
have earnestly requested three



phen thừa thỉnh đầu
được chẳng nói. Ông nay
lóng nghe khéo suy nghĩ
nhớ đó, ta sẽ vì ông phân
biệt giải-nói”.

14. Khi đức Phật nói lời
đó, trong hội có các Tỳ-
kheo, Tỳ-kheo-ni, cận-
sự-nam, cận-sự-nữ, cả
thảy năm nghìn người,

times, how can I not speak? You
should now listen attentively, think
upon it well, and be mindful of it; I
will explain it in detail for your
sake.”

14. As he said these words, five
thousand Bhikshus, Bhikshunis,
Upasakas, and Upasikas in the
assembly rose from their seats,
made obeisance to the Buddha and



liền từ chỗ ngồi đứng
dậy lễ Phật mà lui về. Vì
sao? Vì bọn người này
gốc tội sâu nặng cùng
tăng-thượng-mạng, chưa
được mà nói đã được,
chưa chứng mà cho đã
chứng, có lỗi dường ấy,
cho nên không ở lại. Đức

left. What was the reason? The
roots of their offenses were deep
and grave and they were of such
overweening pride that they
claimed to have obtained what they
had not yet obtained and to have
certified to that to which they had
not yet certified to. With faults
such as these they could not stay.



Thế-Tôn yên lặng không
ngăn cản.

15. Bấy giờ, Đức Phật
bảo ngài Xá-Lợi-Phất:
“Trong chúng ta đây
không còn cành lá, rặt có
hạt chắc. Xá-Lợi-Phất!
Những gã tăng-thượng-
mạn như vậy lui về cũng

The World Honored One remained
silent and did not restrain them.

15. The Buddha then told
Shariputra, “My assembly has now
been cleared of its branches and
leaves and only the trunks remain.
Shariputra, it is excellent that those
of overweening pride have left.



là tốt. Ông nay nên khéo nghe, ta sẽ vì ông mà nói”.

Ngài Xá-Lợi-Phất bạch rằng: “Vâng thưa Thế-Tôn con nguyện thích muốn nghe”.

You should now listen well and I shall speak it for you.”

Shariputra said, “So be it, World Honored One. I wish joyfully to hear it.”



16. Đức Phật bảo ngài Xá-Lợi-Phất: “Pháp mầu như thế, các đức Phật Như-Lai đến khi đúng thời mới nói đó như hoa linh-thoại đến thời tiết mới hiện một lần.

17. Xá-Lợi-Phất! Các ông nên tin lời của Phật nói không hề hư vọng.

16. The Buddha told Shariputra, “A wonderful Dharma such as this is spoken only occasionally by the Buddhas, the Thus Come Ones, just as the udumbara flower appears but once in a great while.”

17. “Shariputra, you should all believe that which the Buddha says, for his words are not vain or



Xá-Lợi-Phất! Các đức Phật theo thời nghi nói pháp ý-thú khó hiểu. Vì sao? Ta dùng vô số phương tiện các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ diễn nói các pháp. Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có

false.

Shariputra, all the Buddhas speak the Dharma in accord with what is appropriate, but its purport is difficult to understand. What is the reason? I extensively speak all dharmas by means of countless expedient devices, various causes and conditions, analogies, and expressions. This Dharma cannot



thể hiểu, chỉ có các đức Phật mới biết được đó. Vì sao? Các đức Phật Thế-Tôn, chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Xá-Lợi-Phất! Sao nói rằng các đức Phật Thế-

be understood through deliberation or discrimination. Only the Buddhas alone can know it. Why is this? All the Buddhas, the World Honored Ones, appear in the world only because of the causes and conditions of the one great matter.”

“Shariputra, what is meant by ‘All Buddhas, World Honored Ones,



Tôn chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời? Các đức Phật Thế-Tôn vì muốn cho chúng sanh khai tri kiến Phật để được thanh tịnh mà hiện ra nơi đời; vì muốn chỉ tri kiến Phật cho chúng-sanh mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh

appear in the world only because of the causes and conditions of the one great matter?’ The Buddhas, the World Honored Ones, appear in the world because they wish to lead living beings to open the knowledge and vision of the Buddhas and gain purity. They appear in the world because they wish to demonstrate to all living



tỏ ngộ tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh chứng vào đạo tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời.

Xá-Lợi-Phất! Đó là các đức Phật do vì một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời”.

beings the knowledge and vision of the Buddhas. They appear in the world because they wish to lead living beings to awaken to the knowledge and vision of the Buddhas.”

“Shariputra, these are the causes and conditions of the one great matter for which all the Buddhas appear in the world.”



18. Đức Phật bảo Xá-Lợi-Phất: “Các đức Phật Như-Lai chỉ giáo hóa Bồ-Tát, những điều làm ra thường vì một việc: chỉ đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh tỏ ngộ thôi”.

18. The Buddha told Sharipura, “All the Buddhas, the Thus Come Ones, teach and transform only Bodhisattvas. All their actions are always for the one matter, and that is only to demonstrate and enlighten living beings to the Buddha’s knowledge and vision.



Xá-Lợi-Phất! Đức Như-Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác.

19. Xá-Lợi-Phất! Pháp của tất cả các đức Phật ở

Shariputra, in speaking Dharma to living beings, the Thus Come Ones use only the Buddha Vehicle. There are no other vehicles, whether two or three.

19. Shariputra, the Dharma of all the Buddhas of the ten directions is thus.



mười phương cũng như thế.

Xá-Lợi-Phất! Thuở quá khứ các đức Phật dùng vô lượng vô số phương tiện các món nhân duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp. Vì pháp đó đều là một

Shariputra, the Buddhas of the past, by means of limitless, countless expedient devices, various causes and conditions, analogies and expressions, have proclaimed all the dharmas to living beings. These dharmas were



Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rốt ráo đều được chứng “nhứt-thiết chủng-trí”.

Xá-Lợi-Phất! Thuở vị lai, các đức Phật sẽ ra đời cũng dùng vô lượng vô số phương tiện các

all for the sake of the One Buddha Vehicle. All these living beings, hearing the Dharma from the Buddhas, ultimately attain the Wisdom of All Modes.”

“Shariputra, when the Buddhas of the future shall come into the world, they will also by means of limitless, countless expedient



món nhân duyên lời lẽ
thí dụ mà vì chúng sanh
diễn nói các pháp, vì
pháp ấy đều là một Phật
thừa nên các chúng sanh
đó theo Phật nghe pháp
rốt ráo đều được chứng
“nhứt-thiết chủng-trí”.

devices, various causes and
conditions, analogies and
expressions, proclaim all the
dharma to living beings. These
dharma will all be for the sake of
the One Buddha Vehicle. Hearing
the Dharma from the Buddhas, all
these living beings will ultimately
attain to the Wisdom of all Modes.



Xá-Lợi-Phất! Hiện tại nay, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức cõi Phật ở mười phương, các đức Phật Thế-Tôn nhiều điều lợi ích an vui cho chúng sanh. Các đức Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện các môn nhân-duyên lời lẽ thí dụ

Shariputra, presently, all the Buddhas, World Honored Ones, throughout the ten directions in limitless hundreds of thousands of myriads of millions of Buddhalands, greatly benefit living beings and bring them peace and happiness. These Buddhas also by means of limitless, countless expedient devices, various causes



mà vì chúng sanh diễn
nói các pháp, vì pháp đó
đều là một Phật thừa, các
chúng sanh ấy theo Phật
nghe pháp rôt ráo đều
được chứng “nhứt-thiết
chủng-trí”.

and conditions, analogies, and
expressions, extensively proclaim
all the dharmas to living beings.
These dharmas are all for the sake
of the One Buddha Vehicle. All
these living beings, hearing the
Dharma from the Buddhas,
ultimately attain the Wisdom of
All Modes.



Xá-Lợi-Phất! Các đức Phật đó chỉ giáo hóa Bồ-Tát, vì muốn đem tri kiến Phật mà chỉ cho chúng sanh, vì muốn đem tri kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ, vì muốn làm cho chúng sanh chứng vào tri kiến Phật vậy.

Shariputra, all the Buddhas only teach and transform Bodhisattvas because they wish to demonstrate to living beings the Buddha's knowledge and vision, because they wish to awaken living beings to the Buddha's knowledge and vision, and because they wish to lead living beings to enter the Buddha's knowledge and vision.”



Xá-Lợi-Phất! Nay ta cũng lại như thế, rõ biết các chúng sanh có những điều ưa muốn, thân tâm mê chấp, ta tùy theo bản tánh kia dùng các món nhân duyên lời lẽ thí dụ cùng sức phương tiện mà vì đó nói pháp.

“Shariputra, I, now, too am also like this. Knowing that living beings have various desires to which their hearts are deeply attached, according to their basic dispositions, and by means of various causes and conditions, analogies, expressions, and the power of expedient devices, I speak the Dharma to them.”



Xá-Lợi-Phất! Như thế
đều vì để chúng được
một Phật thừa “nhứt-
thiết chủng-trí”.

20. Xá-Lợi-Phất! Trong
cõi nước ở mười phương
còn không có hai thừa hà
huống có ba!

Xá-Lợi-Phất! Các đức
Phật hiện ra trong đời ác

“Shariputra, this is all done so that
they may attain the One Buddha
Vehicle and the Wisdom of All
Modes.”

20. “Shariputra, in the worlds of
the ten directions, there are not
even two vehicles, how much the
less three.

Shariputra, all Buddhas appear in
the world of the five evil



năm trước, nghĩa là:
Kiếp trước, phiền-não-
trước, chúng-sinh-trước,
kiến-trước, mạng-trước.
Như thế, Xá-Lợi-Phất,
lúc kiếp loạn trước
chúng sinh như nặng,
bỏn sẻn, tham lam, ghét
ganh, trợn nên các căn
chẳng lành, cho nên các

turbidities, that is, the kalpa
turbidity, the affliction turbidity,
the living beings turbidity, the
view turbidity, and the life
turbidity. So, Shariputra, it is that
in the time of the confusion of the
kalpa turbidity, living beings are
heavy-laden with impurities.
Because they are stingy, greedy,
envious, and jealous, they develop



đức Phật dùng sức
phương tiện, nơi một
Phật thừa, phân biệt nói
thành ba.

21. Xá-Lợi-Phất! Nếu đệ
tử ta tự cho mình là A-
la-hán cùng Duyên-giác
mà không nghe không

unwholesome roots. For this
reason, all the Buddhas, by means
of the power of expedient devices,
within the One Buddha Vehicle,
make discriminations and speak of
three.

21. Shariputra, if a disciple of mine
calls himself an Arhat or
Pratyekabuddha, but does not hear
or know of the fact that all the



biết việc của các đức
Phật Như-Lai chỉ giáo
hóa BỒ-Tát, người này
chẳng phải đệ tử Phật,
chẳng phải A-la-hán,
chẳng phải Duyên-giác.
Lại-nữa, Xá-Lợi-Phất!
Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-
ni đó tự cho mình đã
được A-la-hán, là thân

Buddhas, the Thus Come Ones,
only teach and transform the
Bodhisattvas, he is not a disciple of
the Buddha nor is he an Arhat, nor
is he a Pratyekabuddha.”

“Furthermore, Shariputra, it should
be known that those Bhikshus and
Bhikshunis who claim to have
attained Arhatship and to dwell in



rốt sau rốt ráo Niết-bàn,
bèn chẳng lại chí quyết
cầu đạo vô-thượng
chánh-đẳng chánh-giác.
Nên biết bọn đó là kẻ
tăng-thượng-mạn. Vì
sao? nếu có Tỳ-kheo
thực chứng quả A-la-hán
mà không tin pháp này,
quyết không có lẽ ấy, trừ

their final bodies before ultimate
Nirvana, but who do not further
resolve to seek
anuttarasamyaksambodhi, are
people of overweening pride. Why
is this? It is impossible that any
Bhikshu who had actually attained
Arhatship should not believe this
Dharma, except in the case when
the Buddha has passed into



sau khi Phật diệt độ hiện
tiền không Phật.

Vì sao? Sau khi Phật diệt
độ, những kinh như thế,
người hay thọ trì đọc
 tụng hiểu nghĩa rất khó
có được, nếu gặp đức
Phật khác, ở trong pháp
này bèn được hiểu rõ.

extinction and no Buddha is in
existence.

Why is this? After the Buddha has
passed into extinction, those who
accept, uphold, read, recite, and
understand the meaning of Sutras
such as this will be hard to find. If
they encounter other Buddhas, they
will then obtain thorough
understanding of this Dharma.”



Xá-Lợi-Phất! Các ông nên một lòng tin hiểu thọ trì lời Phật dạy. Lời các đức Phật Như-Lai nói không hư vọng, không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi.

“Shariputra, all of you should, with one heart, believe, understand, accept and uphold the speech of the Buddha, for in the words of all the Buddhas there is nothing vain or false. There are no other vehicles; there is only the One Buddha Vehicle.”



Khi ấy đức Thế-Tôn
muốn tuyên lại nghĩa
này mà nói kệ rằng:

22. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni

Mang lòng tăng-thượng-
mạn

Cận-sự-nam ngã mạn

Cận-sự-nữ chẳng tin,

At that time, the World Honored
One, wishing to restate his
meaning, spoke verses, saying,

22. Those Bhikshus and
Bhikshunis,

Who harbor overweening pride.

The arrogant Upasakas,

Upasikas who do not believe,



Hàng bốn chúng như thế

Số kia có năm nghìn
Chẳng tự thấy lỗi mình

Nơi giới có thiếu sót
Tiếc giữ tội quấy mình
Trí nhỏ đó đã ra,
Bọn cám tằm trong
chúng

In the fourfold host, such ones as
these,
Numbering five thousand strong...
Who do not see their own
mistakes,
Deficient in morality,
And guarding imperfections,
Those of paltry wisdom have left;
The chaff within the multitude is
gone,



Oai đức Phật phải đi,

Gã đó kém phước đức

Chẳng kham lãnh pháp
này,

Chúng nay không cành
lá

Chỉ có những hột chắc

Thanks to the Buddha's awesome
virtue.

These people, lacking blessings
and virtue,

Are unworthy of receiving this
Dharma.

The assembly is free of branches
and leaves;

The trunks alone remain intact.



23. Xá-Lợi-Phất khéo
nghe!

Pháp của các Phật được

Vô lượng sức phương
tiện

Mà vì chúng sanh nói.

Tâm của chúng sanh
nghĩ

23. Shariputra, listen well:

The Dharma obtained by the
Buddhas,

Through the power of limitless
expedients,

Is spoken for living beings

The thoughts in living being's
minds,



Các món đạo ra làm

Bao nhiêu những tánh
dục

Nghiệp lành dữ đời trước

Phật biết hết thế rồi

Dùng các duyên thí dụ

The various pathways they have
walked,

The nature of their various desires,

Their karma, good or ill, from
former lives,

The Buddha knows them all
thoroughly.

Using conditions, analogies,



Lời lẽ sức phương tiện

Khiến tất cả vui mừng.

Hoặc là nói Khế kinh

Cô khởi cùng Bôn-sự.

Bôn-sanh, Vị-tăng-hữu

Cũng nói những nhân
duyên

Thí dụ và Trùng tụng

Expressions, and powerful
expedients,

I cause them to rejoice.

I may speak the Sutras,

Gathas, or past events,

Of former lives, the unprecedented,

Causes and conditions,

Analogies or geyas,



Luận nghị cộng chín
kinh.

Căn độn ưa pháp nhỏ.

Tham chấp nơi sanh tử

Nơi vô lượng đức Phật
Chẳng tu đạo sâu mầu

Bị các khổ não loạn

Or the upadesha texts.

To dull-rooted ones who delight in
lesser dharmas,

And who are greedily attached to
birth and death,

Who, under limitless Buddhas,
Have not walked the deep and
wondrous Path,

Oppressed by scores of sufferings,



Vì đó nói Niết-bàn.
Ta bày phương tiện đó
Khiến đều vào huệ Phật,

Chưa từng nói các ông
Sẽ được thành Phật đạo
Sở dĩ chưa từng nói
Vì giờ nói chưa đến,

Nay chính là đến giờ

For them I speak of Nirvana.
I have established these expedients
To cause them to enter the
Buddha's wisdom.

Never did I say, "All of you
Will realize the Buddha Way."
I did not say as much because
The time to speak had not yet
come.

The time, now, is exactly right,



Quyết định nói Đại-thừa.

24. Chín bộ pháp của ta

Thuận theo chúng sanh
nói

Vào Đại-thừa làm gốc

Nên mới nói kinh này.

To speak the Great Vehicle.

24. The nine division of my
Dharma,

Are spoken to accord with living
beings;

Intending to lead them into the
Great Vehicle,

I therefore speak this Sutra text.



Có Phật tử tâm tịnh
Êm dịu cũng căn lợi,
Nơi vô lượng các Phật
Mà tu đạo sâu mầu,
Vì hàng Phật tử này
Nói kinh Đại-thừa đây.

For the Buddha's disciples, pure in
heart,
Who are compliant and have keen
faculties,
Who, under countless Buddhas,
Have walked the deep and
wondrous Path,
For these sons of the Buddha
I speak the Sutra of the Great
Vehicle.



Ta ghi cho người đó
Đời sau thành Phật đạo

Bởi thâm tâm niệm Phật

Tu trì tịnh giới vậy

Hạng này nghe thành
Phật

I predict that such people
In the future will realize the
Buddha Way,

For with profound thoughts they
recollect the Buddha,

Cultivate and uphold pure
morality.

When they hear that they will
become Buddhas



Rất mừng đầy khắp
mình,
Phật biết tâm của kia.

Nên vì nói Đại-thừa.

Thanh-văn hoặc Bồ-Tát,
Nghe ta nói pháp ra
Nhẫn đến một bài kệ

Great will their rejoicing be.

The Buddha knows their thoughts
and conduct,
And speaks the Great Vehicle for
them.

If Hearers or Bodhisattvas,
Hear this Dharma that I speak,
Be it but a single verse,



Đều thành Phật không
ngghi.

25. Trong cõi Phật mười
phương

Chỉ có một thừa pháp

Không hai cũng không
ba

They will become Buddhas,
without a doubt.

25. In the Buddhlands of the ten
directions,

There is only the Dharma of One
Vehicle;

There are not two or three,



Trừ Phật phương tiện nói

Chỉ dùng danh tự giả

Dẫn dắt các chúng sanh

Vì nói trí huệ Phật.

Các Phật ra nơi đời

Chỉ một việc này thực

Except those spoken by the

Buddhas as expedients,

And those are but false

appellations

Used to induce living beings,

So that he may teach them the

Buddha's wisdom.

The Buddhas appear in the world

Only for the sake of this One Real

Matter;



Hai thứ chẳng phải chơn.
Trọn chẳng đem tiêu
thừa
Mà tế độ chúng sanh,
Phật tự trụ Đại-thừa

Như pháp của mình
được
Định, huệ, lực trang
nghiêm

The other two are not the truth;
To the end they would not use the
Small Vehicle
To rescue living beings.
The Buddha himself dwells in the
Great Vehicle,
And in accord with the Dharmas
he has gained,
Adorned with the power of
samadhi and wisdom,



Dùng đây độ chúng
sanh.

Tự chứng đạo vô thượng

Pháp bình-đẳng Đại-thừa

Nếu dùng tiểu thừa độ

Nhẫn đến nơi một người

He uses these to save living beings.

Having certified to the supreme
path, myself,

The Great Vehicle's Dharma of
equality,

Were I to teach by means of the
Small Vehicle,

Even a single human being,



Thời ta đọa sân tham

Việc ấy tất không được,
Nếu người tin về Phật

Như-Lai chẳng dối gạt

Cũng không lòng tham
ghen

I would have fallen into stingy
greed;

But such a thing could never be.
Should people rely, in faith, upon
the Buddha,

The Thus Come One will not
deceive them;

He has no thoughts of envy or
greed,



Dứt ác trong các pháp

Nên Phật ở mười
phương

Mà riêng không chỗ sợ.

Ta dùng tướng trang
nghiêm

Ánh sáng soi trong đời

And he has cut off all the evil in
the dharmas.

Therefore, throughout the ten
directions,

The Buddha alone has nothing to
fear.

My body adorned with marks,

I brilliantly illumine the world.



Đấng vô lượng chúng
trọng

Vì nói thực tướng ấn

26. Xá-Lợi-Phất! Nên
biết

Ta vốn lập thế nguyện
Muốn cho tất cả chúng
Bằng như ta không khác,
Như ta xưa đã nguyện

Revered by countless multitudes

I speak the Seal of the Real Mark.

26. Shariputra, you should know,

That in the past I took a vow,
Wishing to lead the multitudes,
To be identical with me.
That vow, made long ago,



Nay đã đầy đủ rồi
Độ tất cả chúng sanh
Đều khiến vào Phật đạo

Nếu ta gặp chúng sanh
Dùng Phật đạo dạy cả
Kẻ vô trí rồi sai

Mê lầm không nhận lời.

Now has been perfectly fulfilled,
For I have transformed all beings,
Leading them into the Buddha
Path.

If, when I met with living beings,
I taught them just the Buddha Path,
Those lacking wisdom would be
puzzled;

Confused, they would not accept
the teaching.



Ta rõ chúng sanh đó
Chưa từng tu cội lành
Chấp chặt nơi ngũ dục

Vì si ái sinh khổ,

Bởi nhân duyên các dục.
Sa vào ba đường dữ
Xoay lăn trong sáu nẻo

I know that these living beings
Have never cultivated good roots.
They are firmly attached to the five
desires,
And, out of stupidity and love,
become afflicted.
Because of all their desires,
They fall into the three evil paths,
They turn on the wheel in the six
destinies,



Chịu đủ những khổ độc
Thân mọn thọ bào thai
Đời đời tăng trưởng luôn
Người đức mỏng ít
phước
Các sự khổ bức ngặt
Vào rừng rậm tà kiến

Suffering utter misery.
They take a tiny form in the womb;
Life after life, it continues to grow.
With scanty virtue and few
blessings,
They are oppressed by scores of
sufferings,
They enter the dense forest of
deviant views,



Hoặc chấp có, chấp
không

Nương gá các chấp này

Đầy đủ sáu mươi hai

Chấp chặt pháp hư vọng

Bền nhận không bỏ được

Those of existence, non-existence,
and the like.

They become dependent on those
views—

Sixty-two of them in all.

Deeply attached to illusory
dharmas,

They cling to them firmly and
cannot let them go.



Ngã mạn tự khoe cao

Dua nịnh lòng không
thực

Trong nghìn muôn ức
kiếp

Chẳng nghe danh tự Phật

Cũng chẳng nghe chánh
pháp

Arrogant, they brat of their
loftiness;

They are flatterers, their hearts
insincere.

Throughout ten billion eons,

They never hear the Buddha's
name,

Nor do they hear the proper
Dharma.



Người như thế khó độ.

27. Cho nên Xá-Lợi-
Phất!

Ta vì bày phương tiện
Nói các đạo dứt khổ
Chỉ cho đó Niết-bàn
Ta dầu nói Niết-bàn
Cũng chẳng phải thật
diệt,

Such people are difficult to save.

27. Therefore, Shariputra,

I set forth expedients for them,
Speak of the way to suffering's
end,
And demonstrate Nirvana.
Although I speak of Nirvana,
It is not true extinction.



Các pháp từ bốn lai
Tướng thường tự vắng
lặng
Phật tử hành đạo rồi
Đời sau được thành Phật
Ta có sức phương tiện
Mở bày khắp ba thừa.

All dharmas from their origin,
Are ever marked by still
extinction.
When the Buddhas's disciples
have walked the Path,
In a future age they will become
Buddhas.
I possess the power of expedients,
And demonstrate the Dharma of
Three Vehicles.



Tất cả các Thế-Tôn
Đều nói đạo nhất thừa
Nay trong đại chúng này
Đều nên trừ nghi lầm
Lời Phật nói không khác

Chỉ một, không hai thừa.

28. Vô số kiếp đã qua

All the World Honored Ones,
Speak the Dharma of One Vehicle.

Now all of you assembled here,
Should cast your doubts aside.

The speech of all Buddhas is the
same:

There is only One Vehicle, not
two.

28. Throughout countless eons in
the past,



Vô lượng Phật diệt độ
Trăm nghìn muôn ức
Phật
Số nhiều không lường
được.

Các Thế-Tôn như thế

Các món duyên thí dụ
Vô số ức phương tiện

Innumerable extinct Buddhas,
Hundreds of thousands of myriads
of millions of them,
A number beyond all calculation,

World Honored Ones such as
these,

Used various conditions, analogies,
And the power of countless
expedients,



Diễn nói các pháp tướng,

Các đức Thế-Tôn đó
Đều nói pháp nhất thừa
Độ vô lượng chúng sanh
Khiến vào nơi Phật đạo
Lại các đại Thánh-chúa
Biết tất cả thế gian

To proclaim the marks of all
dharmas.

All of those World Honored Ones,
Spoke the Dharma of One Vehicle,
Transforming beings without limit,
Leading them to the Buddha Path.
Further, all great Sagely Lords,
Know the deep desires in the
hearts



Trời người loài quần
sanh

Thâm tâm chỗ ưa muốn

Bèn dùng phương tiện
khác

Giúp bày nghĩa đệ nhất.

29. Nếu có loài chúng
sanh

Of all the gods, humans, and other
beings

Within all the worlds.

Using different expedients,

Which help to reveal the foremost
principle.

29. If there are living beings



Gặp các Phật quá khứ

Hoặc nghe pháp bố thí

Hoặc trì giới nhẫn nhục

Tinh tấn, thiền, trí thấy

Các món tu phước huệ,

Những người như thế đó

Đều đã thành Phật đạo

Who have met with Buddhas in the
past

Heard the Dharma, practiced
giving,

Morality, patience, and vigor

Dhyanasamadhi, wisdom, and so
on,

Cultivating blessings and wisdom,

Persons such as these

Have all realized the Buddha path.



Sau các Phật diệt độ

Nếu người lòng lành dịu

Các chúng sanh như thế

Đều đã thành Phật đạo

30. Các Phật diệt độ rồi

When those Buddhas have become
extinct

If there are those with compliant
hearts,

Beings such as these

Have attained the Buddha Way.

30. After the extinction of those
Buddhas,



Người cúng dường xá-
lợi

Dựng muôn ức thứ tháp

Vàng, bạc và pha-lê

Xa-cừ cùng mã-nã

Ngọc mai khô, lưu ly

Thanh tịnh rộng nghiêm
sức,

Those who have made offerings to
their shariras,

Building millions of kinds of
stupas,

Made of gold, silver, or of crystal,

Mother-of-pearl, carnelian,

Rose quartz, lapis lazuli, and other
gems,

Clear, pure and most ornate,



Trau giỏi nơi các tháp,
Hoặc có dựng miếu đá

Chiên-đàn và trầm-thủy

Gỗ mật cùng gỗ khác
Gạch ngói bùn đất thảy,
Hoặc ở trong đồng trống
Chứa đất thành miếu
Phật

Worked to grace the stupas,
Or should there be those who have
built temples

Out of stone, chandana, or
aloeswood,

Hovenia, or other timbers,

Bricks, clay, and the like,

Or those who, in the barren waste,
Have piled up earth into a Buddha-
shrine,



Nhẫn đến đồng tử giỡn
Nhóm cát thành tháp
Phật,
Những hạng người như
thế
Đều đã thành Phật đạo.

31. Nếu như người vì
Phật

Or even children who, at play,
Have piled up sand to make a
stupa,
All persons such as these,
Have realized the Buddha Way.

31. Those who, for the Buddhas,



Xây dựng các hình-
tượng

Chạm trở thành các
tượng

Đều đã thành Phật đạo.

Hoặc dùng bảy báu làm

Thau, đồng bạch, đồng
đỏ

Chất nhôm cùng chì kẽm

Have erected images,

Carving all their myriads of marks,

Have realized the Buddha Way.

They may have used the seven
gems,

Or bronze or copper, white or red,

Wax, lead, or tin,



Sắt, gỗ cùng với bùn
Hoặc dùng keo, sơn, vải
Nghiêm sức làm tượng
Phật

Những người như thế đó
Đều đã thành Phật đạo
Vẽ vời làm tượng Phật

Trăm tướng phước trang
nghiêm

Iron, wood, or clay,
Or, perhaps, lacquered cloth,
In making Buddha images;

Persons such as these
Have realized the Buddha Way.
Those who painted bright Buddha
images,

Adorned with the marks of their
hundreds of blessings,



Tự làm hoặc bảo người
Đều đã thành Phật đạo.
Nhấn đến đồng tử giỡn
Hoặc cỏ cây và bút
Hoặc lấy móng tay mình
Mà vẽ làm tượng Phật
Những hạng người như
thế

Whether they did it themselves or
employed others,
Have realized the Buddha Way.
Even children who, at play,
Who with a straw, a stick, or pen,
Or even with their fingernails,
Drew images of the Buddha,
People such as these,



Lần lần chứa công-đức

Đầy đủ tâm đại bi

Đều đã thành Phật đạo

Chỉ dạy các Bồ-Tát

Độ thoát vô lượng
chúng.

Gradually accumulated merit and
virtue,

Perfected the heart of great
compassion,

And have realized the Buddha
Way.

They teach only Bodhisattvas,

And rescue countless multitudes.



32. Nếu người nơi tháp
miếu
Tượng báu và tượng vẽ
Dùng hoa, hương, phan,
lọng
Lòng kính mà cúng
dường
Hoặc khiến người thổi
nhạc
Đánh trống, thổi sừng ốc

32. Should persons, in stupas or in
temples,
To jeweled or painted images,
With flowers, incense, banners, or
canopies,
Make offerings with a reverent
heart,
Or should they cause others to
make music,
With drums, horns, or conches,



Tiêu địch, cầm, không-
hầu

Tỳ-bà, chụp-chả đồng
Các tiếng hay như thế

Đem dùng cúng dường
hết

Hoặc người lòng vui
mừng

Pan-pipes, flutes, lutes or bamboo
lyres,

Guitars, cymbals, or brass gongs,
With many wondrous sounds as
these,

Played solely as offerings...

Or if, with happy hearts, with
songs



Ca ngâm khen đức Phật
Nhĩn đến một tiếng nhỏ
Đều đã thành Phật đạo

33. Nếu người lòng tán
loạn
Nhĩn đến dùng một hoa
Cúng dường nơi tượng
vẽ

And chants they praised the
Buddha's virtues,
With even just one small sound,
They have realized the Buddha
Way.
33. If people with scattered minds
Have given but a single flower
As an offering to a painted image,



Lần thấy các đức Phật

Hoặc có người lễ lạy
Hoặc lại chỉ chấp tay

Nhẫn đến giờ một tay
Hoặc lại hơi cúi đầu
Dùng đây cúng dường
tượng

They shall gradually see
numberless Buddhas.

If they bowed in worship,
Or merely placed their palms
together,
Or even raised a single hand,
Or gave a slight nod of the head,
As an offering to the images,



Lần thấy vô lượng Phật

Tự thành đạo vô thượng

Rộng độ chúng vô số

Vào Vô dư Niết-bàn

Như củi hết lửa tắt.

Nếu người tâm tán loạn

They shall gradually see countless
Buddhas,

And have, themselves, realized the
Buddha Way.

They will rescue countless
multitudes,

And enter Nirvana without residue,
As a fire goes out when the fuel
has been consumed.

If people with scattered minds,



Bước vào trong tháp
chùa

Chỉ niệm Nam-mô Phật

Đều đã thành Phật đạo

Nơi các Phật quá khứ
Tại thế, hoặc diệt độ,

Enter stupas or temples,

And say but once, “Namo
Buddha,”

They have realized the Buddha
Way.

Be it from Buddhas of the past,
While existent, or after their
extinction,



Có người nghe pháp này

Đều đã thành Phật đạo

34. Các Thế-Tôn vị lai

Số nhiều không thể
lường

Các đức Như-Lai đó

Those who have heard this
Dharma,

Have realized the Buddha Way.

34. The World Honored Ones of
the future,

Are limitless in number;

All of these Thus Come Ones,



Cùng phương tiện nói
pháp.

Tất cả các Như-Lai
Dùng vô lượng phương
tiện

Độ thoát các chúng sanh
Vào trí vô lậu Phật,

Nếu có người nghe pháp

Will also speak the Dharma of
expedient devices.

All of the Thus Come Ones,
By means of limitless expedients,

Help all living beings
To enter the Buddha's non-outflow
wisdom.

Of those who have heard the
Dharma,



Không ai chẳng thành
Phật.

Các Phật vốn thệ nguyện

Ta tu hành Phật đạo

Khắp muốn cho chúng
sinh

Cũng đồng được đạo
này.

None will fail to become Buddhas.

All the Buddhas have made this
VOW

“As to the Buddha Way which I
have walked,

I wish to lead all living beings

Alike to obtain this Path.”



Các Phật đời vị lai

Dẫu nói trăm nghìn ức

Vô số các pháp môn

Kỳ thực vì nhất thừa.

Các Phật Lương-Túc-tôn

And although the Buddhas of the
future

Will speak a hundred thousand
million,

Countless Dharma-doors,

They are, in fact, for the sake of
One Vehicle.

All Buddhas, Doubly Perfect
Honored Ones,



Biết pháp thường không
tánh

Giống Phật theo duyên
sanh

Cho nên nói nhứt thừa.

Pháp đó trụ ngôi pháp

Tướng thế gian thường
còn

Know the Dharmas are eternally
without a nature.

The Buddha-seed arises from
conditions;

Thus they speak of the One
Vehicle.

This Dharma abides in the
Dharma's position,

Dwelling forever in worldly marks.



Nơi đạo tràng biết rồi

Đức Phật phương tiện
nói.

Hiện tại mười phương
Phật

Của trời người cúng
dường

Số nhiều như hằng sa

Having understood this in the
Bodhimanda,

The Guiding Master teaches it
expediently.

The Buddhas of the present in the
ten directions,

Those who receive the offerings of
gods and humans,

Their number like the Ganges'
sands,



Hiện ra nơi thế gian
Vì an ổn chúng sanh
Cũng nói pháp như thế.

Biết vắng bật thứ nhất

Bởi dùng sức phương
tiện
Dầu bày các món đạo

Manifest within the world
To bring peace and comfort to
living beings,
And also speak Dharma such as
this.
Knowing the foremost still
extinction,
They use the power of expedients
To demonstrate the various paths,



Kỳ thực vì Phật thừa

Biết các hạnh chúng
sinh

Thâm tâm nó nghĩ nhớ

Nghiệp quen từ quá khứ
Tánh dục, sức tinh tấn

Và các căn lợi độn

In reality, for the sake of the
Buddha Vehicle.

Knowing the conduct of living
beings,

The thoughts deep within their
minds,

Their habitual actions in the past,

The nature of their desire,
the power of their vigor,

And their faculties, keen or dull,



Dùng các món nhân
duyên

Thí dụ cùng lời lẽ
Tùy cơ phương tiện nói.

35. Ta nay cũng như vậy
Vì an ổn chúng sanh

Dùng các món pháp môn

They employ various causes and
conditions,
Analogies and verbal expressions,
To teach them the appropriate
expedients.

35. Now I, too, am like them.
To bring peace and comfort to
living beings.

Using various Dharma-doors,



Rao bày nơi Phật đạo
Ta dùng sức trí huệ
Rõ tánh dục chúng sanh

Phương tiện nói các
pháp
Đều khiến được vui
mừng.

Xá-Lợi-Phất nên biết!

I proclaim the Buddha Way
I use the power of my wisdom,
To know the nature of beings'
desires;
I speak all dharmas expediently,
To lead them all to happiness.

Shariputra, you should know,



Ta dùng mắt Phật xem

Thấy sáu đường chúng
sinh

Nghèo cùng không
phước huệ

Vào đường hiểm sanh tử

Khổ nỗi luôn không dứt

As I regard them with my Buddha
Eye,

I see living beings in the six paths,

Impoverished, lacking blessings
and wisdom,

Entering the dangerous path of
birth and death,

Where they suffer unremittingly.



Sâu tham nơi ngũ dục

Như trâu “mao” mền
đuôi

Do tham ái tự che

Đui mù không thấy biết

Chẳng cầu Phật thể lớn

They are deeply attached to the
five desires,

Like a yak caring for its tail,

They smother themselves with
greed and love,

Blind, and in darkness, seeing
nothing.

They do not seek the mighty
Buddha,



Cùng pháp dứt sự khổ

Sâu vào các tà kiến

Lấy khổ muốn bỏ khổ

Phật vì chúng sanh này

Mà sanh lòng đại bi

Or the Dharma which cuts off
suffering,

But instead they deeply enter into
deviant views;

With suffering, they wish to cast
off suffering.

For the sake of these beings,

I give rise to the great compassion
heart.



36. Xưa, tu ngồi đạo
tràng
Xem cây cùng kinh hành

Trong hai mươi một
ngày
Suy nghĩ việc như vậy:

Trí huệ của ta được

36. When first I sat in the
Bodhimanda,
In contemplation, or walking about
the tree,
For a full three times seven days,

I thought over matters such as
these:
The wisdom which I have
obtained,



Vi diệu rất thú nhứt
Chúng sanh các căn
chậm

Tham vui si làm mù

Các hạng người như thế

Làm sao mà độ được?

Bấy giờ các Phạm-
vương

Is subtle, wonderful, and foremost,
But living beings are dull-rooted,

Attached to pleasure, blinded by
delusion;

Beings such as these,

How can they possibly be saved?

Just then the Brahma Heaven

Kings,



Cùng các trời Đê-Thích
Bốn Thiên-vương hộ đời

Và trời Đại-Tự-Tại

Cùng các thiên chúng
khác

Trăm nghìn ức quyến
thuộc

As well as the God Shakra,
The Four World-Protecting God
Kings,
The god of the Heaven of Great
Comfort,
And the other heavenly multitudes,

With retinues numbering in the
billions



Chấp tay cung kính lễ

Thỉnh ta chuyển pháp-
luân.

Ta liền tự suy nghĩ
Nếu chỉ khen Phật thừa

Chúng sanh chìm nơi
khổ

Reverently placed their palms
together,

And requested me to turn the
Dharma-wheel.

I then thought to myself,

“Were I to praise only the Buddha
Vehicle,

Beings sunk in suffering



Không thể tin pháp đó

Do phá pháp không tin

Rớt trong ba đường dữ

Ta thà không nói pháp

Mau vào cõi Niết-bàn

Liên nhớ Phật quá khứ

Would be unable to believe this
Dharma.

They would slander it out of
disbelief,

And fall into the three evil paths.

It is better that I do not speak the
Dharma,

But quickly enter into Nirvana.”

Then I recalled that the Buddhas of
the past



Thực hành sức phương
tiện

Ta nay chúng được đạo

Cũng nên nói ba thừa.

37. Lúc ta nghĩ thế đó
Mười phương Phật đều
hiện

Practiced powerful expedients,

And as I now have obtained the
Path,

It is fitting that I also teach Three
Vehicles.

37. When I had been thinking thus,
The Buddhas of the ten directions
all appeared,



Tiếng Phạm an-ủi ta

Hay thay! Đức Thích-Ca

Bậc Đạo-Sư thứ nhất

Được pháp vô thượng

ấy

Tùy theo tất cả Phật

Mà dùng sức phương

tiện

And with the Brahma sound
encouraged me, saying,

“Good indeed, O Shakyamuni,
Foremost Guiding Master.

Having attained the supreme
Dharma,

You follow the precedent of all
Buddhas,

To employ the power of expedient
devices.



Chúng ta cũng đều được

Pháp tối diệu thứ nhất

Vì các loại chúng sanh

Phân biệt nói ba thừa.

Trí kém ưa pháp nhỏ

We have all obtained as well,

That foremost Dharma, most
wonderful.

For the various kinds of living
beings,

We discriminate and teach Three
Vehicles.

Those of little wisdom who delight
in lesser dharmas,



Chẳng tự tin thành Phật

Cho nên dùng phương
tiện

Phân biệt nói các quả

Dầu lại nói ba thừa

Chỉ vì dạy Bồ-Tát.

Would not believe that they could
become Buddhas.

That is why we use expedient
means,

To discriminate and teach the
various fruits.

Although Three Vehicles are
taught,

It is only for the sake of teaching
Bodhisattvas.”



38. Xá-Lợi-Phất nên
biết!

Ta nghe các đức Phật

Tiếng nhiệm màu rất
sạch

Xưng: “Nam-mô chư
Phật!”

Ta lại nghĩ thế này

38. Shariputra, you should know,

That when I heard the Sagely
Lions’

Deep, pure, and wondrous sound,

I called out “Homage to all
Buddhas.”

And further had this thought,



Ta ra đời trước ác

Như các Phật đã nói

Ta cũng thuận làm theo

Suy nghĩ việc đó rồi

Liền đến thành Ba-Nại.

Các pháp tướng tịch diệt

Không thể dùng lời bày

“I have come into a turbid, evil
world;

As the Buddhas speak,

I should follow in accord.”

Having thought upon this matter,

I went straightaway to Varanasi.

Since the still and extinct mark of
all dharmas,

Cannot be expressed in words,



Bèn dùng sức phương
tiện

Vì năm Tỳ-kheo nói.

Đó gọi chuyển pháp luân

Bèn có tiếng Niết-bàn

Cùng với A-la-hán

Tên pháp, tăng sai khác.

Từ kiếp xa nhân lại

I used the power of expedients,

To instruct the five Bhikshus.

This was called the turning of the
Dharma-wheel.

Then came the sound of Nirvana,
As well as “Arhatship,”

“Dharma,” and the “Sangha,”
various names.

From remote eons onward,



Khen bày Pháp Niết-bàn

Dứt hẳn khổ sống chết

Ta thường nói như thế

39. Xá-Lợi-Phất phải
biết

Ta thấy các Phật tử

I have praised and shown

Nirvana's dharma,

As the final end of birth and
death's sufferings;

Always have I spoken thus.

39. Shariputra, you should know,

I see disciples of the Buddha,



Chí quyết cầu Phật đạo

Vô lượng nghìn muôn ức

Đều dùng lòng cung
kính

Đồng đi đến chỗ Phật

Từng đã theo các Phật

Resolutely seeking the Buddha
Way,

Limitless thousands of myriads of
millions of them,

All with hearts of reverence,

All coming before the Buddha.

They had heard, from former
Buddhas,



Nghe nói pháp phương
tiện

Ta liền nghĩ thế này
Sở dĩ Phật ra đời

Để vì nói Phật huệ

Nay chính đã đúng giờ.

Expedient teachings of the
Dharma.

This causes me to think,
“The reason why the Thus Come
One appears,
Is to teach the wisdom of the
Buddha,
And now the time is exactly right.”



40. Xá-Lợi-Phất phải
biết!

Người căn chậm trí nhỏ

Kẻ chấp tướng kiêu mạn

Chẳng thể tin pháp này

Nay ta vui vô-úy

Ở trong hàng Bồ-Tát

40. Shariputra, you should know,

Those with dull faculties and slight
wisdom,

Those attached to marks, the
arrogant,

Cannot believe this Dharma.

I now rejoice and have no fear,

And among the Bodhisattvas,



Chính bỏ ngay phương
tiện

Chỉ nói đạo vô thượng.

Bồ-Tát nghe pháp đó

Đều đã trừ lưới nghi

Nghìn hai trăm La-hán

Cũng đều sẽ thành Phật

I shall cast expedients aside and be
straightforward,

Speaking only of the supreme
Path.

When the Bodhisattvas have heard
this Dharma,

The network of their doubts will be
rent (destroyed);

Twelve hundred Arhats

Will all attain to Buddhahood.



Như nghi thức nói pháp
Của các Phật ba đời

Ta nay cũng như vậy

Nói pháp không phân
biệt

Các đức Phật ra đời
Lâu xa khó gặp gỡ

So do I likewise now expound
As the Buddhas of the three
periods of time

In such a manner spoke the
Dharma,

The indiscriminated Dharma.

All Buddhas come into the world
But rarely, and are hard to meet;



Chính sử hiện ra đời

Nói pháp này khó hơn

Vô lượng vô số kiếp
Nghe pháp này cũng
khó,

Hay nghe được pháp này

Người đó cũng lại khó

And when they appear in the
world,

It is hard for them to speak the
Dharma.

Throughout countless eons, too,
It is difficult to hear this Dharma.

And those who can hear this
Dharma—

Such people too, are rare,



Thí như hoa linh-thoại
Tất cả đều ưa mến
Ít có trong trời, người
Lâu lâu một lần trở.

41. Người nghe pháp
mừng khen
Nhấn đến nói một lời
Thời là đã cúng dường

Like the udumbara flower,
In which all take delight,
Which the gods and humans prize,
For it blooms but once in a long,
long time

41. So one who hears this Dharma,
gives joyful praise,
With even just a single word,
Has thereby made offerings,



Tất cả Phật ba đời

Người đó rất ít có
Hơn cả hoa Ưu-đàm.

Các ông chớ có nghi

Ta là vua các pháp

Khắp bảo các đại chúng

Chỉ dùng đạo nhất thừa

Dạy bảo các Bồ-Tát

To all the Buddhas of the three
periods of time.

Such people are extremely rare,
Rarer than the udumbara flower.

All of you should have no doubts,

For I am the Dharma King;

I declare to the assembly:

I use only the path of One Vehicle,

To teach and transform

Bodhisattvas.



Không Thanh-văn đệ tử

42. Xá-Lợi-Phất các
ông!

Thanh-văn và Bồ-Tát
Phải biết pháp mầu này

Bí yếu của các Phật

Bởi đời ác năm trược

There are no Hearer Disciples.

42. Shariputra, all of you,

The Hearers and Bodhisattvas,
Should know that this wondrous
Dharma

Is the secret essence of all
Buddhas.

In the evil world of five turbidities,



Chỉ tham ưa các dục
Những chúng sanh như
thế
Trọn không cầu Phật đạo
Người ác đời sẽ tới
Nghe Phật nói nhứt thừa
Mê lầm không tin nhận

Beings who are blissfully attached
To pleasures and desires,
Will never seek the Buddha Way.
Evil people of the future,
Hearing the Buddha speak of One
Vehicle,
In their delusion will not accept or
believe it,



Phá pháp đọa đường dữ

Người tâm quý trong
sạch

Quyết chí cầu Phật đạo

Nên vì bọn người ấy
Rộng khen đạo nhất
thừa.

But will slander it and fall into the
evil paths.

Still, those with shame and purity,

Who resolutely seek the Buddha
Way,

For such ones as these I praise

The path of One Vehicle,
extensively.



Xá-Lợi-Phất nên biết
Pháp các Phật như thế

Dùng muôn ức phương
tiện

Tùy thời nghi nói pháp

Người chẳng học tập tu
Không hiểu được pháp
này

Shariputra, you should know,
The Dharma of all Buddhas is like
this:

By means of millions of
expedients,

I speak Dharma in accord with
what is appropriate.

But those who do not study it,
Will never come to understand it.



Các ông đã biết rõ
Phật là thầy trong đời

Việc phương-tiện tùy
nghĩ

Không còn lại nghi lằm
Lòng sinh rất vui mừng
Tự biết sẽ thành Phật.

Since all of you already know
All Buddhas, Masters of the
World,
Work by means of appropriate
expedients,
You should have no further doubts.
Let your hearts be filled with joy;
You know you will reach
Buddhahood.



KINH DIỆU-PHÁP
LIÊN-HOÀ

Quyển Thứ Nhất

Một sáng chiếu phương
đông, thể diệu toàn bày,
chẳng phải chỗ suy
lường mà suy lường
được, thâm hiểu ở trong
lòng, phương tiện truyền



bày một đạo nhà hương
trời.

NAM-MÔ PHÁP-HOÀ
HỘI-THƯỢNG PHẬT
BỒ-TÁT (3 lần)

Thế-Tôn hiện điềm tốt,
Di-Lặc nghi tướng lành,
Văn-Thù vì chúng rộng
phô bày: Phật xưa phóng
hào-quang. Ba phen mời



đăng Pháp Vương vì nói
hương Diệu-Liên.

NAM-MÔ QUÁ-KHÚ
NHẬT-NGUYỆT
ĐĂNG-MINH PHẬT (3
lần)

